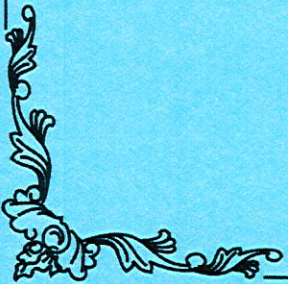




HỘ KINH DOANH BÙI CHUNG THỦY

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Của Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Búi Chung Thủy**



Sóc Trăng, tháng 08 năm 2022

HỘ KINH DOANH BÙI CHUNG THỦY

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
Của Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy

CHỦ TRANG TRẠI

*Chị
bùi chung thủy*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



Phan Thanh Loan

Sóc Trăng, tháng 08 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH SÁCH BẢNG.....	iii
DANH MỤC HÌNH	iv
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	v
CHƯƠNG 1.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	3
3.3. Sản phẩm của cơ sở	5
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	5
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	7
CHƯƠNG 2	17
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	17
2. Sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của môi trường	17
CHƯƠNG 3.....	18
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ , BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải....	18
1.1 Thu gom, thoát nước mưa	18
1.2 Thu gom, thoát nước thải.....	18
1.3 Xử lý nước thải.....	19

Đơn vị tư vấn : Công Ty TNHH Môi Trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	25
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	28
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố	28
7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác	28
CHƯƠNG 4.....	31
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	31
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	31
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	33
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	34
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại:	34
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn	36
CHƯƠNG 5.....	38
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	38
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	38
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	38
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình báo cáo.....	38
CHƯƠNG 6.....	40
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	40
1. Chương trình quan trắc môi trường	40
CHƯƠNG 7.....	42
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	42
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	42
CHƯƠNG 8.....	43
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	43
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	44

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở.....	1
Bảng 2. Lượng nước sử dụng cho cơ sở.....	6
Bảng 3. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	16
Bảng 5. Danh mục các hạng mục của quy trình xử lý nước thải.....	25
Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.	32
Bảng 7. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải.	33
Bảng 8. Giới hạn tiếng ồn, độ rung	34
Bảng 9. Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	35
Bảng 10. Chất lượng nước mặt trên Kênh 25 tiếp giáp cơ sở	38
Bảng 11. Tổng kinh phí giám sát môi trường.....	41

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở	2
Hình 2. Quy trình nuôi gà đẻ	3
Hình 3. Hồ ga thu mảu (thoát nước thải) bên trái và Bể thu gom nước thải bên phải	19
Hình 4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại	20
Hình 5. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải tại cơ sở	22
Hình 6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải	23

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BGTVT	Bộ Giao thông vận tải
BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
BYT	Bộ Y tế
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
NĐ – CP	Nghị định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc Hội
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Bùi Chung Thủy.
- Địa chỉ văn phòng: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Bùi Chung Thủy.
- Điện thoại: 0985.276.009.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy.
- Địa điểm cơ sở: cơ sở được triển khai xây dựng và hoạt động vào năm 2007 tại Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất thực hiện cơ sở là 40.480,1 m².

- Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

Phía Đông : giáp đất ruộng

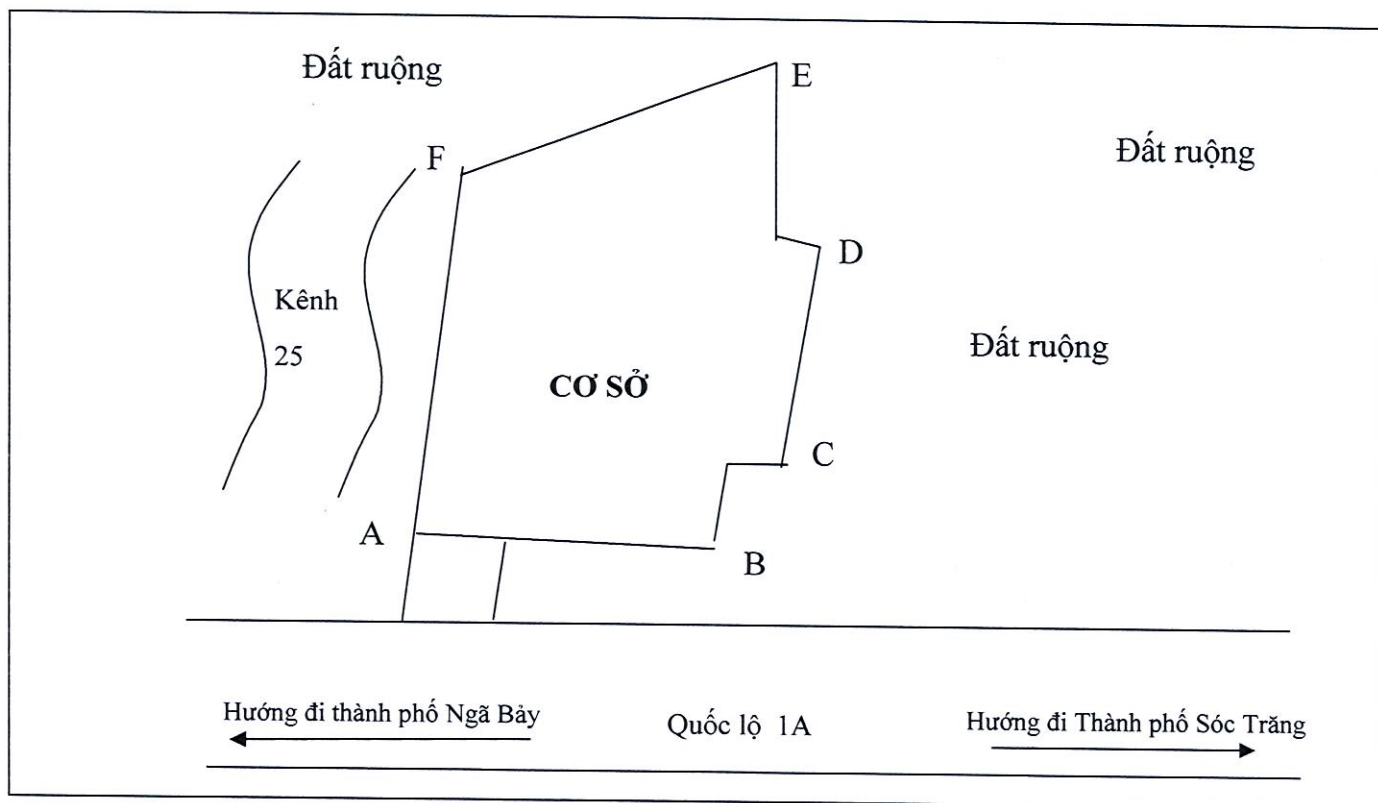
Phía Nam : giáp quốc lộ 1A

Phía Tây : giáp Kênh 25

Phía Bắc : giáp đất ruộng.

Bảng 1. Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở

TT	Vị trí	Tọa độ UTM	
		X (m)	Y (m)
	A	0593893	1079675
	B	0593993	1079647
	C	0593939	1079718
	D	0594123	1079732
	E	0594344	1079937
	F	0594261	1079852



Hình 1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở

- Các đối tượng tự nhiên: xung quanh cơ sở chủ yếu là đất ruộng, tiếp giáp với tuyến Kênh 25 và tiếp giáp với QL1A.
- Các đối tượng kinh tế - xã hội: Cơ sở cách UBND xã Đại Hải khoảng 4,6km về hướng Đông Bắc, trong phạm vi bán kính 2km khu vực xung quanh Cơ sở không có các công trình tôn giáo, văn hóa, di tích lịch sử...
- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh cơ sở có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.
- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.*)
- Nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh 25 tiếp giáp Cơ sở.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Cơ sở không nằm trong quy định của pháp luật về đầu tư công).

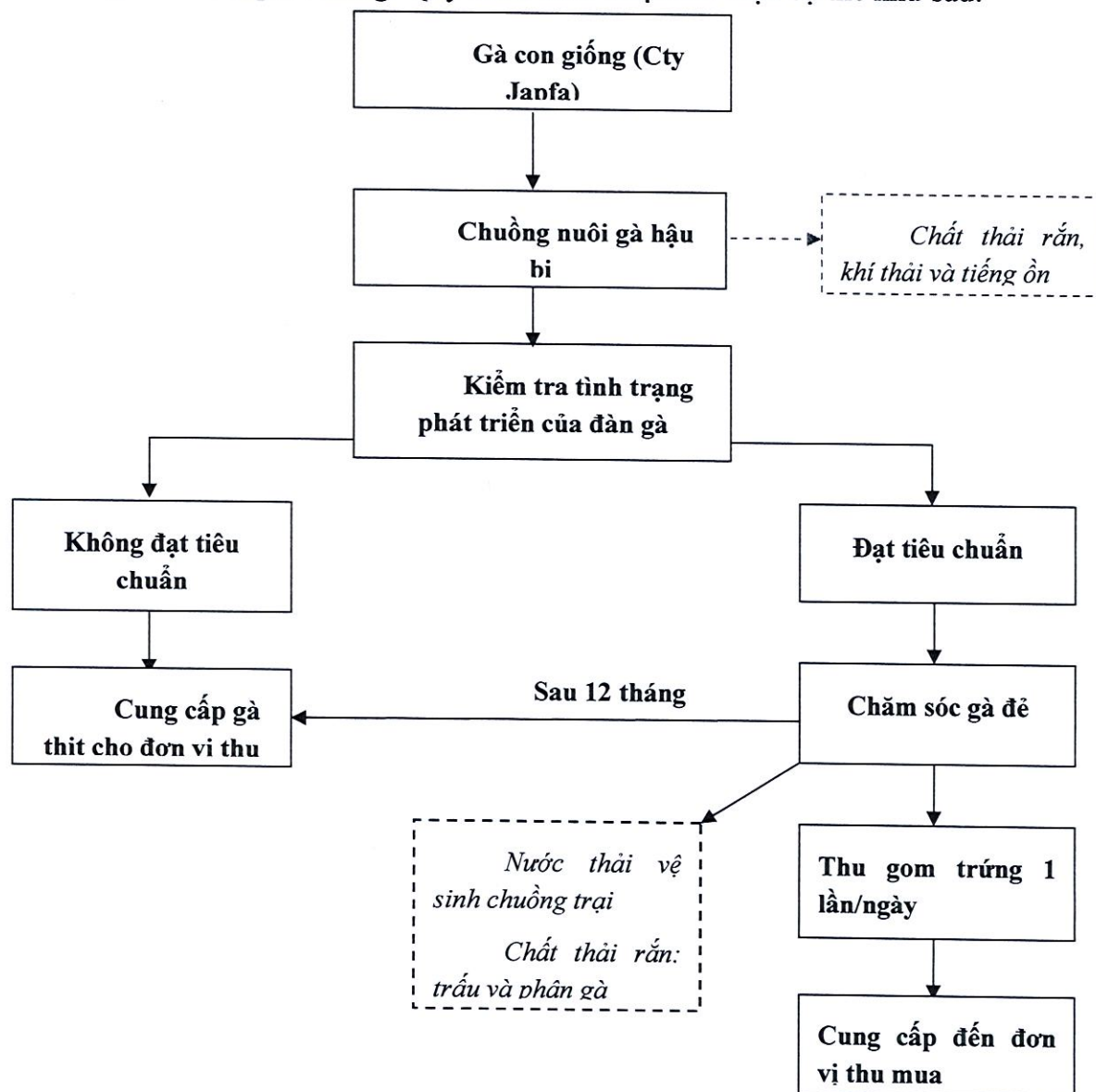
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Cơ sở được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 40.480,1 m². Quy mô công suất của cơ sở 110.000 con được chia làm 07 dãy trại nuôi trong đó: Trại 01, 04, 06 và 07 nuôi 20.000 con; trại 02, 03 và 05 nuôi 10.000 con. Mỗi đợt nuôi kéo dài 12 tháng.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

“Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy” thuộc Hộ kinh doanh Bùi Chung Thủy có quy mô 07 trại với tổng số lượng khoảng 110.000 con. Mỗi đợt nuôi có thời gian khoảng 12 tháng. Quy trình nuôi được thể hiện cụ thể như sau:



Hình 2. Quy trình nuôi gà đẻ

* Thuyết minh quy trình:

a. Quy trình chăm sóc dinh dưỡng

Giai đoạn nuôi dưỡng gà hậu bị (từ 1 đến 19 tuổi):

+ Chế độ ăn đạt thể trọng quy định: Ở giai đoạn này cần cung cấp các loại thức ăn bảo đảm đầy đủ chất dinh dưỡng cho gà phát triển đạt yêu cầu trọng lượng là 730g/con (gà 9 tuần tuổi) và 1620g/con (gà 19 tuần tuổi).

+ Chế độ chiếu sáng:

* Gà từ 1 đến 2 tuần tuổi: Thời gian chiếu 24/24 giờ

* Gà từ 3 đến 7 tuần tuổi: Thời gian chiếu 23/24 giờ

* Gà từ 11 tuần tuổi: Thời gian chiếu từ 22 / 24 xuống 13/24 giờ

* Gà từ 12 đến 18 tuần tuổi: Sử dụng ánh sáng tự nhiên.

* Gà từ 19 đến 22 tuần tuổi. Thời gian chiếu sáng từ 13/24 đến 16/24 giờ và duy trì thời gian chiếu sáng này trong suốt thời gian gà đẻ trứng. Cường độ ánh sáng sử dụng là 4w / m².

Trong thời gian quản lý gà hậu bị từ 19 đến 22 tuần tuổi phải theo dõi trọng lượng gà và loại bỏ số lượng gà không đủ điều kiện.

Giai đoạn chăm sóc gà đẻ trứng:

+ Cách cho gà ăn: Cung cấp thức ăn đều cả máng, đảo đều thức ăn ít nhất là 2 -3 lần/ngày để thức ăn được phân bố đều trong máng.

+ Không thể giảm khẩu phần ăn khi tỷ lệ đẻ của gà cao, chỉ giảm bớt khi tỷ lệ đẻ của gà giảm xuống. Cung cấp thức ăn 2 lần trong ngày.

+ Tiếp tục theo dõi thể trọng gà trong giai đoạn này, phải tăng trọng chậm đặc biệt trong 5 - 6 tháng đầu thời kỳ đẻ. Ngược lại lượng giảm trọng lượng trong thời gian này thường dẫn đến sự sụt đẻ và thay lông.

+ Loại gà không đủ điều kiện như đầu to hay quá dài, mỏ kém phát triển và có vỏ trắng...

Gà đẻ liên tục khoảng 12 tháng, tiến hành xuất bán gà thịt cho các công ty thu mua tại thành phố Hồ Chí Minh. Chủ đầu tư sẽ tổng hợp vệ sinh chuồng trại và bỏ trống trong khoảng thời gian 3 tuần, sau đó tiến hành đợt nuôi mới.

b. Quy trình vệ sinh phòng bệnh cho gà

Để nâng cao hiệu quả chăn nuôi thì chủ Cơ sở cần thực hiện đúng công tác phòng bệnh trong từng giai đoạn phát triển của đàn gà, cụ thể như sau:

+ 3 ngày tuổi: Nhỏ mắt, mũi tiêm 1 mũi vắc xin Newcastle hệ F.

- + 7 ngày tuổi: Nhỏ mắt, mũi 1 mũi tiêm vắc xin Gumboro.
- + 10 ngày tuổi: Chủng vắc xin n Đậu.
- + 15 ngày tuổi: Tiêm lần 1 vắc xin cúm gia cầm.
- + 18 ngày tuổi: Cho uống vacin Laxota và cho uống lần 2 vắc xin Newcastle hệ F.
- + 21 ngày tuổi: Nhỏ mắt, mũi 2 lần vắc xin Gumboro.
- + 45 ngày tuổi: Tiêm lần 2 vắc xin cúm gia cầm.
- + 49 - 60 ngày tuổi: Tiêm vắc xin Newcastle hệ M
- + 65 ngày tuổi: Tiêm vắc xin Tụ huyết trùng.
- + Sau khi tiêm phòng Newcastle, Tụ huyết trùng và Cúm gia cầm cứ mỗi 4 - 6 tháng phải tái chủng một lần.

Trong thời gian nuôi sẽ nhận được sự hỗ trợ từ công ty về mặt kỹ thuật thường trực tại trại, kiểm tra việc chăm sóc, hướng dẫn quy trình nuôi từ nhân viên kỹ thuật.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của “Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy” khoảng 75.000 – 80.000 trứng/ngày và gà thịt 100.000-110.000 con/12 tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Chủ cơ sở sử dụng các nguyên – nhiên liệu như sau:

*** Nhu cầu về con giống:**

- Gà giống: Khoảng 110.000 con/đợt. Gà giống được Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Long An (địa chỉ: Ấp 2, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An) vận chuyển về trại chăn nuôi bằng xe chuyên dụng.

*** Nhu cầu về thức ăn:**

- Cơ sở sử dụng thức ăn dạng viên chứa trong mỗi kho thức ăn tại chuồng ước tính khoảng 200 tấn/tháng, thức ăn do Chủ trại mua tại các đại lý phân phối thức ăn trong và ngoài tỉnh.

*** Nhu cầu về thuốc:**

- Thuốc thú y, thuốc kháng sinh trong quá trình chăn nuôi được chủ trại mua tại các đại lý phân phối thuốc thú y trong và ngoài tỉnh.

- Các loại chế phẩm sinh học khác dùng để xử lý nước, diệt côn trùng và khử mùi như: Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1,...khoảng 700 lít/đợt.

*** Nhu cầu cấp nước:**

- Nguồn nước sử dụng cho Cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất của Cơ sở với lưu lượng khai thác $9\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- **Nước cấp cho sinh hoạt:** Cơ sở đi vào hoạt động với tổng số công nhân viên làm việc là 13 người. Do đó, nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt (Q_{SH}):

$$Q_{SH} = 13 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày đêm} = 1,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

- Trại gà

* **Nước uống cho gà:** Nước dùng cho gà uống hàng ngày (Q_{NUCG}) tại Cơ sở khoảng $4,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

* **Nước cấp cho hệ thống làm mát:** Hệ thống làm mát được lắp đặt ở mỗi trại là 10 cái quạt hút nhằm tạo điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thích hợp cho sự tăng trưởng của đàn gà. Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát ở mỗi trại là $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Vậy lượng nước Cơ sở cung cấp cho hệ thống làm mát ở cả 07 trại (Q_{LM}) là $2,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

* **Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi:** 21 m^3 ($3\text{m}^3/\text{dãy chuồng} \times 7 \text{ dãy chuồng} = 21 \text{ m}^3$).

Bảng 2. Lượng nước sử dụng cho cơ sở

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Đơn vị	Số
1	Cấp nước sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngày đêm}$	1,3
2	Nước làm mát	$\text{m}^3/\text{ngày đêm}$	2,8
3	Nước cấp cho heo uống	$\text{m}^3/\text{ngày đêm}$	4,4
4	Nước vệ sinh chuồng trại cuối đợt nuôi	m^3	21

(nguồn: Chủ cơ sở, 2022)

*** Nhu cầu về điện:**

Nguồn điện lấy từ điện lưới quốc gia tại khu vực, lượng điện năng tiêu thụ khoảng 1.326 KWh/ngày. Ngoài ra còn sử dụng 02 máy phát điện dự phòng 125 KVA và 170 KVA.

*** Nhu cầu về hóa chất**

- Chlorine dùng khử trùng nước khoảng: 10 kg/năm.
- Formol dùng sát khuẩn, khử trùng chuồng trại khoảng 40 lít/năm.
- Vôi bột dùng khử trùng chuồng trại: khoảng 1 tấn/năm.

*** Nhu cầu về dầu, nhớt**

- Cơ sở chỉ sử dụng dầu cho hoạt động của máy phát điện dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố về điện. Số lượng sử dụng trung bình khoảng 60 lít dầu DO/giờ. Trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện máy phát điện phải hoạt động trong 24 giờ thì lượng nhiên liệu tiêu hao sẽ là 1.440 lít dầu DO/ngày.

- Nhớt thay định kỳ cho máy phát điện khoảng 10 lít/năm.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

*** Quá trình xây dựng trang trại:**

Trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy ban đầu được đầu tư xây dựng vào năm 2007 với quy mô 13.000 con và đã được UBND huyện Kế Sách xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường số 25/GXN-UB.08 ngày 28 tháng 08 năm 2008 với thời hạn 12 tháng. Sau đó, chủ đầu tư được Phòng tài nguyên và môi trường huyện Kế Sách cấp lại giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường số 64/GXN.PTNMT.09 ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Năm 2011, chủ đầu tư xây dựng thêm 02 dãy trại gà đẻ trứng đến tháng 04/2014, chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cơ sở đầu tư xây dựng “Trang trại chăn nuôi gà đẻ công nghiệp Bùi Chung Thủy” với quy mô 04 dãy trại tổng số lượng là 46.000 con. Tuy nhiên ĐTM không được hội đồng thẩm định thông qua, do nội dung chưa đạt yêu cầu, chưa có chủ trương của huyện, chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

Sau đó, chủ đầu tư tháo dỡ 01 dãy trại (xây dựng năm 2007) và chuyển sang xây dựng nhà yếm, nhà trộn thức ăn gà. Còn lại 03 dãy trại nuôi gà đẻ trứng.

Tháng 12/2014, chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn lập Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với 02 trại xây dựng năm 2011 với tổng số lượng 19.000 con và được UBND huyện Kế Sách cấp giấy xác nhận số 24/GXN-UBH, ngày 16/01/2015.

Năm 2015, chủ đầu tư xây dựng thêm 02 dãy trại với quy mô 20.000 con và năm 2019, chủ đầu tư tiếp tục xây dựng thêm 02 dãy trại với quy mô 20.000 con.

Ngày 12/03/2020, Tổ công tác của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra tại Trang trại; qua kết quả kiểm tra, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPVPHC, ngày 29/5/2020 về lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước với tổng số tiền 190.300.000 đồng, trong đó xử phạt đối với hành vi không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định với số tiền 175.000.000 đồng; buộc Chủ trang trại thực hiện việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chủ Trang trại đã thực hiện việc nộp tiền phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho cơ sở để có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với Quy mô nuôi gà đẻ trứng là 110.000 con/đợt với 07 dãy chuồng nuôi trong đó: trại 01, 04, 06 và 07 nuôi 20.000 con; trại 02, 03 và 05 nuôi 10.000 con. Mỗi đợt nuôi kéo dài 12 tháng.

*** Các hạng mục công trình của cơ sở:**

Tổng diện tích của cơ sở là 40.480,1 m², gồm các hạng mục như sau:

Bảng 3. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	% diện tích	Ghi chú
I	Hạng mục chính	-			-
1	Trại 1	01	1.906	4,71	Đã xây dựng
2	Trại 2	01	1.354	3,34	Đã xây dựng
3	Trại 3	01	1.306	3,23	Đã xây dựng
4	Trại 4	01	1.786	4,41	Đã xây dựng
5	Trại 5	01	1.280	3,16	Đã xây dựng
6	Trại 6	01	1.649	4,07	Đã xây dựng
7	Trại 7	01	1.902	4,70	Đã xây dựng
II	Hạng mục phụ trợ	-			
1	Khu vực trộn thức ăn	01	433	1,07	Đã xây dựng
2	Nhà chứa phân gà	03	1.168	2,89	Đã xây dựng
3	Nhà yến	02	420	1,04	Đã xây dựng
4	Khu vực máy phát điện	01	15	0,04	Đã xây dựng
5	Nhà khách	01	30	0,07	Đã xây dựng
6	Nhà vệ sinh	01	12	0,03	Đã xây dựng
7	Nhà kho	09	2.181	5,39	Đã xây dựng
8	Khu vực sấy phân (dự phòng)	01	100	0,25	Đã xây dựng
9	Hồ sát trùng	01	15	0,04	Đã xây dựng
10	Cây xanh		3.280	8,11	Đã xây dựng
11	Ao cá	03	4.365	10,78	Đã xây dựng
12	Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hàng rào và các hạng mục khác	01	15.602,1	38,3	Đã xây dựng
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	-			
1	Kho chất thải nguy hại	01	15	0,04	Đã xây dựng
2	Ao sinh học	01	200	0,49	Đã xây dựng
3	Túi ủ Biogas	01	1.400	3,29	Đã xây dựng
4	Hồ thu gom nước thải	11	21	0,21	Đã xây dựng
5	Hồ khử trùng	01	1	0,01	Đã xây dựng

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	% diện tích	Ghi chú
6	Hồ ga thu mẫu	01	1	0,01	Đã xây dựng
7	Khu vực xử lý gia cầm chết	01	15	0,04	Đã xây dựng
8	Hệ thống thoát nước	01	23	0,22	Đã xây dựng
Tổng cộng			40.480,1	100 %	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2022)

*** Mô tả chi tiết hạng mục công trình của cơ sở:**

- Hạng mục công trình chính

Trại nuôi gà: với tổng diện tích 07 trại nuôi là 11.187 m² được xây dựng ở 07 dãy nằm theo chiều dài của khu vực cơ sở (chiếm tỷ lệ 27,63% tổng diện tích xây dựng).

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 60cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách và được phủ màn bạc xung quanh trại.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

- Hạng mục công trình phụ trợ

Khu trộn thức ăn: tổng diện tích là 433m² được xây dựng ở gần cổng trại dùng để trộn thức ăn phục vụ chăn nuôi.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Nhà chứa phân gà: tổng diện tích là 1.168m² được xây dựng ở sau dãy trại 3,4,5,6 và 7 dùng để chứa phân gà sau khi phân gà được sấy; sử dụng để dự phòng khi có dịch bệnh xảy ra.

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Khu vực sấy phân: tổng diện tích là 100m^2 được xây dựng ở sau dãy trại 4,5 dùng để dự phòng sấy phân gà khi xảy ra dịch bệnh; đơn vị thu mua phân gà không thể vận chuyển phân gà để giảm thiểu mùi hôi, không làm ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh khu vực trang trại.

Kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Nhà kho: tổng diện tích là 2.181 m^2 được xây dựng ở gần mỗi dãy trại dùng để chứa thức ăn và thiết bị phục vụ chăn nuôi.

Kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Nhà yến: tổng diện tích là 420 m^2 được xây dựng ở đầu và giữa trang trại dùng để nuôi chim yến.

Kết cấu thiết kế:

- + Nền tráng bê tông; vách xây tường 20cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole
- + Khung kết cấu cột bê tông cốt thép.

Khu vực máy phát điện

Diện tích 15m^2 (chiếm tỷ lệ 0,04% tổng diện tích xây dựng).

- + Nền tráng bê tông cao 30cm; Mái lợp bằng tole.
- + Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Nhà vệ sinh

Diện tích 12 m^2 (chiếm tỷ lệ 0,03% tổng diện tích xây dựng).

- + Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.
- + Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Nhà khách

Diện tích 30m² (chiếm tỷ lệ 0,07% tổng diện tích xây dựng).

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm ; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hệ thống hàng rào.

Diện tích 15.624,1 m² (chiếm tỷ lệ 38,6% tổng diện tích xây dựng của cơ sở).

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liên kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường bê tông: 4m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của cơ sở được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vững chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình sản xuất cũng như trong công đoạn vận chuyển hàng hóa, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

Hệ thống cấp nước

Nguồn cấp nước cho hoạt động chăn nuôi của cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất để phục vụ cho mục đích sinh hoạt và chăn nuôi. Tổng lưu lượng khai thác là 9 m³/ngày đêm. Chủ cơ sở sẽ thực hiện thủ tục xin phép khai thác nước theo đúng quy định.

Hệ thống cấp điện

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là điện lưới quốc gia đường dây trung áp 22KV. Để đảm bảo các thiết bị không bị hư hỏng trong trường hợp cắt điện vì nguồn điện chính bị lỗi nguồn điện khẩn cấp phục vụ hoạt động được thiết kế tự cung cấp sử dụng máy phát điện dự phòng.

Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét

Đặc điểm kỹ thuật đặt ra các yêu cầu chi tiết để chống sét cho các công trình phục vụ cho hoạt động của cơ sở là lắp đặt thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất, đồng thời cũng phục vụ trong điều kiện sử dụng mái bê tông cốt thép, dầm, cột và móng có thép khi tiếp xúc thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất.

Đặc điểm kỹ thuật của phân tích chi tiết các hệ thống tiếp đất khác nhau bao gồm hệ thống TN-S, TN-C, TN-C-S, TT, TI và đưa ra yêu cầu kỹ thuật an toàn chi tiết để tiếp đất của các hệ thống khác nhau.

Tiếp đất: Các lõi vào mỗi nguồn điện đều được âm dưới đất nhiều lần. Tiếp đất cho sét và tiếp đất bảo vệ sử dụng cùng một hệ thống tiếp đất. Tất cả các thiết bị tiếp đất đều được kết nối với nhau để hình thành mạng tiếp đất.

Hệ thống PCCC

Sử dụng các bình bột chữa cháy và nước từ giếng khoan. Hệ thống chữa cháy bằng các bình xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2). Các hộp nước bình chữa cháy xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2) đặt ở tại những vị trí cần thiết.

Hệ thống cây xanh

Diện tích 3.281 m^2 (chiếm tỷ lệ 8,11% tổng diện tích của cơ sở)

Cây xanh được bố trí trồng dọc theo tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan cho bộ mặt của cơ sở. Cây xanh được trồng ở xung quanh cơ sở nhất là khu vực cuối hướng gió tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

Ao cá

Diện tích 4.365 m^2 (chiếm tỷ lệ 10.78% tổng diện tích xây dựng của cơ sở).

Ao được thả nuôi một số loài cá để góp phần tăng cường thêm chất lượng bữa ăn cho công nhân tại Trại gà. Ngoài ra ao cá còn tận dụng để lưu chứa nước mưa chảy tràn khu vực cơ sở.

Hố sát trùng

Hố sát trùng được bố trí ở cổng ra vào trại với diện tích khoảng 15 m^2 . Hồ sát trùng có tác dụng sát khuẩn các đối tượng ra vào trại bằng các dung dịch có tính sát khuẩn như nước vôi.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Kho chất thải nguy hại

Diện tích 15 m^2 , Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có chứa những thùng chứa có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Khu vực xử lý gia cầm chết

Được bố trí tại khu đất trống cạnh dãy chuồng 06 của cơ sở với diện tích khoảng 15m², xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp tuân thủ theo đúng QCVN 01-41:2011/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật. Cụ thể:

Khu vực đáy hố chôn và xung quanh thành hố được lót vật liệu chống thấm.

Kích thước hố: Dài 5m, Rộng 3m, Sâu 1,5m.

Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

Hệ thống thoát nước:

Hệ thống thoát nước mưa: lượng nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom theo các rãnh thoát nước của cơ sở. Sau đó được dẫn về ao cá gần khu vực chuồng nuôi, tại đây nước mưa được lưu lại trong thời gian khoảng 1 tuần trước khi chảy ra Kênh 25.

Hệ thống nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt của công nhân được thu gom từ khu vệ sinh đưa về bể xử lý tự hoại sau đó được thải ra cống thoát nước chung của khu dân cư.

Hệ thống thoát nước thải chăn nuôi: Nước thải vệ sinh chuồng trại cuối mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom vào các hố thu gom nước thải ở cuối dãy trại và được bơm về túi ủ biogas ở cuối khu vực cơ sở để xử lý sau đó nước thải được bơm vào ao sinh học để tiếp tục xử lý. Nước thải sau khi xử lý tại ao sinh học được khử khuẩn tại bể khử trùng trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh 25. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B.

Hố thu gom nước thải:

Được đặt trong các dãy chuồng nuôi để thu gom nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại và có trang bị máy bơm nước thải để đưa nước thải về túi ủ biogas để xử lý.

Túi ủ Biogas:

Đây là hạng mục công trình dùng để xử lý nước thải từ việc vệ sinh chuồng trại. Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng nuôi được thu gom và bơm vào túi ủ thả nổi trên diện tích ao chứa 1.423 m². Nước thải sau xử lý từ túi ủ sẽ tự chảy vào Ao sinh học để thực hiện công đoạn xử lý tiếp theo.

Ao sinh học:

Xử lý nước thải từ túi ủ Biogas. Ao có diện tích 200m^2 với sức chứa 200m^3 nước được lót đáy để tránh rò rỉ nước thải ra môi trường xung quanh. Trong ao được thả các loại thực vật dùng để xử lý các chất ô nhiễm có trong nước như: lục bình, bèo hoa dâu,...để xử lý nước thải sau túi ủ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh 25.

Bể khử trùng nước thải:

Nước thải sau khi qua các công đoạn xử lý sinh học: túi ủ biogas và ao sinh học cần được khử khuẩn để đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Tại hố ga khử trùng nước thải được châm hóa chất khử trùng là Chlorine để sát khuẩn trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận. Thể tích của hố khử trùng là: 1m^3 .

Hố ga thu mẫu:.

Nước thải sau khi đã xử lý được dẫn về hố ga trước khi thải ra Kênh 25. Hố ga có chức năng thu giữ nước thải để phục vụ cho công tác lấy mẫu cho chương trình giám sát định kỳ. Thể tích của hố là: 1m^3 .

- Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

TT	Tên gọi	Số lượng	Đơn vị tính	Công suất	Nước Sản xuất	Tình trạng hoạt động
1	Hệ thống máng ăn, nước uống, hệ thống chân đỡ	140	Bộ	-	Thái Lan	100%
2	Giếng khoan	1	Giếng	-	-	-
3	Quạt hút làm mát	28	Cái	1 HP	Thái Lan	100%
4	Máy phát điện	02	Cái	150 KVA	Nhật	100%
5	Hệ thống làm mát	800	Tấm	-	Thái Lan	100%
6	Hệ thống điện	-	-	-	Thái Lan	100%
7	Hệ thống các lồng nuôi bố trí ở các trại	-	-	-	Thái Lan	100%
8	Bình chữa cháy	25	Cái	8 kg	Việt Nam	100%
9	Cân	07	Cái	100 kg	Việt Nam	100%
10	Motor xoay thức ăn	4	Cái	1 HP	Đài Loan	100%
11	Motor sấy phân	5	Cái	5 HP	Việt Nam	100%

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2022)

CHƯƠNG 2

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Về quy hoạch đô thị: địa điểm thực hiện dự án không nằm trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng của tỉnh và huyện Kế Sách.

Mối quan hệ của dự án với các dự án khác: Xung quanh khu vực dự án không có các đối tượng kinh tế như khu đô thị, các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Quanh khu vực dự án trong vòng bán kính 2,0 km không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho an ninh quốc phòng.

2. Sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của môi trường

Nguồn thải chính của dự án khi đi vào hoạt động là chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (phân gà và đệm lót sinh học). Lượng chất thải rắn được định kỳ thu gom trong ngày và được bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua làm phân bón cho cây trồng. Không thải ra bên ngoài môi trường.

Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (12 tháng) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại với lưu lượng 3m³/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 21m³. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là nước mặt trên Kênh 25 tiếp giáp với Cơ sở.

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ , BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở. Sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và thoát rãnh nhỏ thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lẻ đường,... cuối cùng thoát vào nguồn tiếp nhận là Kênh 25.

Đối với nước mưa trên mái nhà: mái nhà sẽ được lắp đặt các máng xối thu gom nước mưa thoát vào đường ống có đường kính 114mm chảy xuống các rãnh thoát nước mưa của cơ sở, cuối cùng, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận là ao cá (đối với trại dầy 1,2,3,4 và 5) và Kênh 25 (đối với dầy trại 6 và 7).

- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:

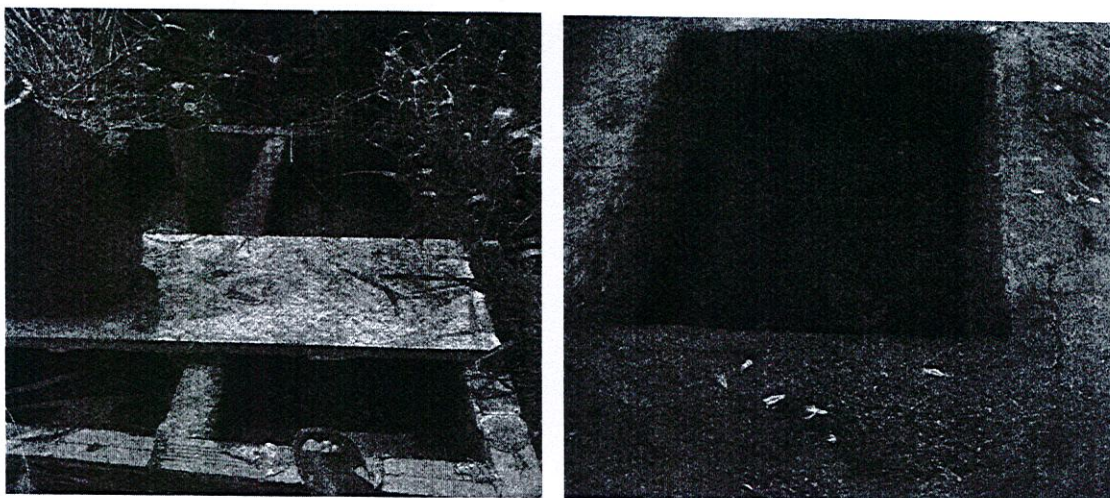
+ Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.

+ Vị trí thoát nước mưa: Kênh 25 thuộc ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

1.2 Thu gom, thoát nước thải

- **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào hầm tự hoại có thể tích thiết kế là $6m^3$, sau đó sẽ được dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu dân cư bằng đường ống PVC có đường kính 114mm, chiều dài khoảng 40m.

- **Nước thải chăn nuôi:** Nền chuồng có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào bể bê tông có kích thước rộng 1m x dài 1m x sâu 1m được bố trí bên trong mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thoát hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy chuồng nuôi và sử dụng máy bơm để đưa vào túi ủ biogas của cơ sở. (sơ đồ minh họa được kèm theo trong phụ lục).



Hình 3. Hồ ga thu mẫu (thoát nước thải) bên trái và Bể thu gom nước thải bên phải

- Điểm xả thải nước thải sau xử lý: Nước thải sau xử lý được thải vào Kênh 25. Nguồn nước tiếp nhận nước thải của Cơ sở là Kênh 25 giáp với cơ sở ở hướng Đông Bắc (phía sau cơ sở). Kênh này được sử dụng cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trong khu vực. Đoạn kênh đi qua Cơ sở có tốc độ dòng chảy tương đối thấp nên nhiều loại thực vật thủy sinh phát triển rất tốt. Qua khảo sát thực tế tại thời điểm lập báo cáo lục bình là loài thực vật chiếm ưu thế tại khu vực. Theo nghiên cứu của Châu Minh Khôi (2012), lục bình là loại thực vật có khả năng giúp làm giảm ô nhiễm đạm và lân hữu cơ hòa tan trong nước. Do đó Chủ cơ sở sử dụng lục bình làm vật liệu xử lý nước thải tại ao sinh học. Đối với nước thải sau xử lý của cơ sở, chủ cơ sở cam kết xử lý nước đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, giá trị Cmax, cột B, với hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. (Sơ đồ thoát nước thải được đính kèm trong phụ lục).

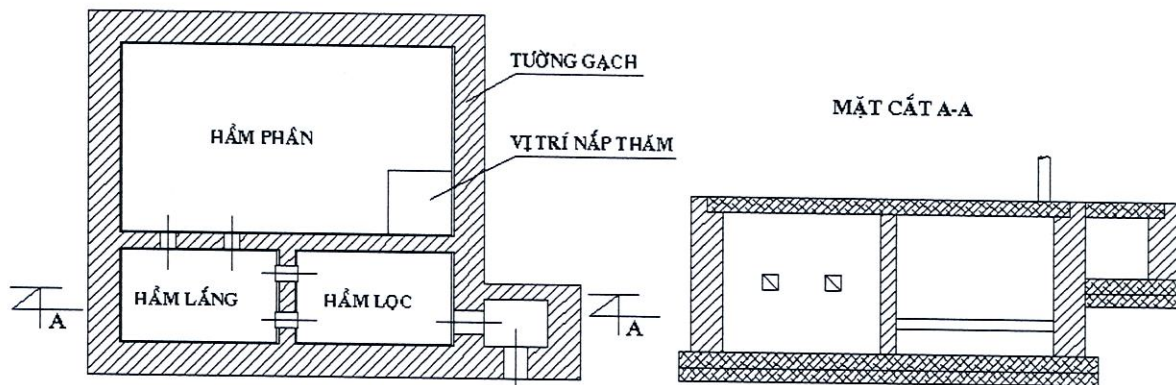
1.3 Xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án đã xây dựng bể tự hoại để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án.

Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phần cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 - 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một

phân tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% BOD và 20 – 40% cặn lơ lửng SS.



Hình 4. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của dự án được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$

Trong đó:

W_1 : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại, $W_1 = q.N.T_1/1000$.

W_2 : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn, W_2 được xác định bằng công thức sau: $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$.

q : tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy $q = 96$ l/ngày.

N : số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 13 công nhân, vậy lấy $N = 13$

T_1 : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại, $T_1 = 3$ ngày.

a : tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày, $a = 0,81$ l/ngày.

b : hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, $b = 0,7$.

c : hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút, $c = 1,2$.

p_1 : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, $p_1 = 95\%$.

p_2 : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, $p_2 = 90\%$.

T_2 : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, $T_2 = 180$ ngày.

Như vậy, theo công thức (*) tổng thể tích bể tự hoại là $4,2 \text{ m}^3$.

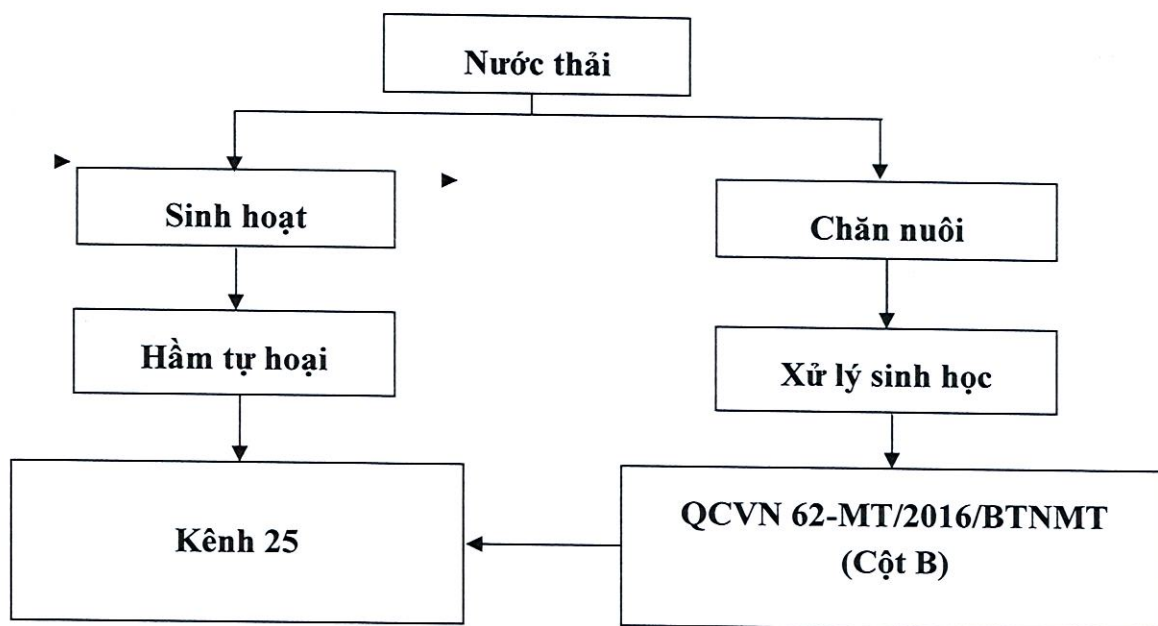
Trang trại đã xây dựng hầm tự hoại với thể tích tối thiểu 6 m^3 nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

Nước thải sau khi qua hầm tự hoại đạt cột B, QCVN 14-MT:2015/BTNMT và thải ra cống thoát nước chung của khu dân cư.

- Nước thải chăn nuôi:

Do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 trại (tổng cộng 7 trại) lần lượt từng trại kéo dài trong khoảng một tuần nên lượng nước thải phát sinh trong 01 ngày là 3 m^3 , toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy trại sau khi qua dụng cụ loại sạn, rác chảy về hố thu gom ở cuối mỗi dãy. Sau đó sử dụng máy bơm để đưa toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào Túi ủ Biogas để điều hòa nồng độ chất bẩn, lắng các chất rắn lơ lửng và loại các thành phần khó phân hủy sinh học, thời gian xử lý là 67 ngày. Sau đó nước thải được bơm qua Ao sinh học có lót bạt đáy để phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong ao với thời gian xử lý là 9,5 ngày. Sau đó nước chảy qua hố khử trùng có sử dụng Clorin để khử trùng nước thải trước khi chảy vào hố ga thu mẫu và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh 25.

Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải tại cơ sở



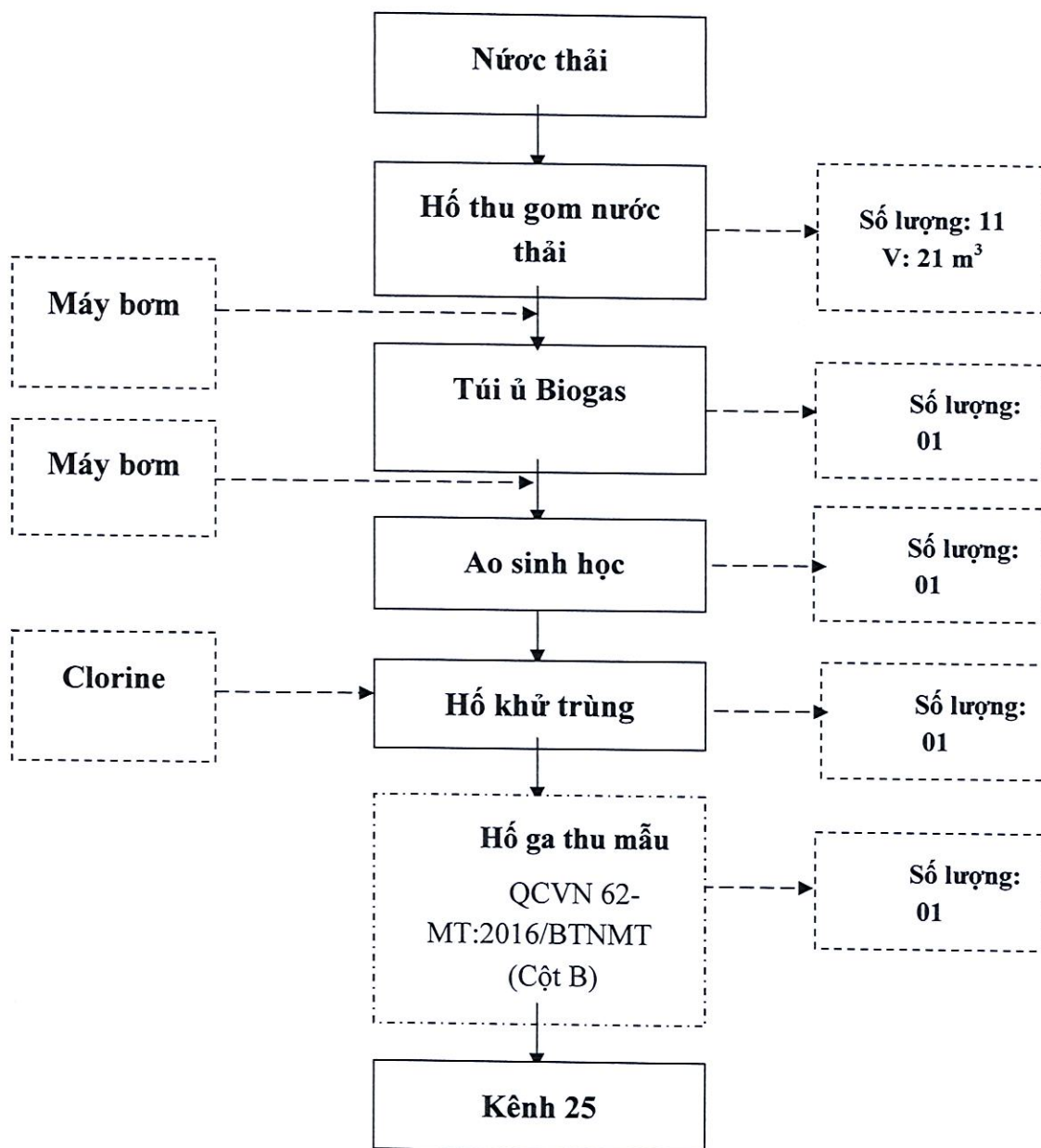
Hình 5. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt vệ sinh cá nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn đạt cột B, QCVN 14-MT:2015/BTNMT sau đó được thải vào cống thoát nước chung của khu dân cư chảy ra Kênh 25.

Nước thải vệ sinh trại nuôi được thu gom dẫn về túi ủ biogas của trại và sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B nước thải sẽ được thải ra nguồn tiếp nhận là Kênh 25 cạnh dự án.

Quy trình xử lý nước thải



Hình 6: Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Do quá trình hoạt động chăn nuôi của trại nên nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng sẽ phát sinh theo đợt nuôi vào cuối vụ khoảng 12 tháng /lần. Vì thế nước thải của trại sẽ được xử lý đảm bảo hiệu quả vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí với quy mô công suất là 3m³/ngày.

Nước thải được thu gom bằng hệ thống thoát nước riêng ở mỗi dãy trại sau khi qua dụng cụ loại sạn, rác chảy về hồ thu gom ở trong dãy chuồng nuôi. Sau đó sử dụng

máy bơm để đưa toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào Túi ủ Biogas để điều hòa nồng độ chất rắn, lắng các chất rắn lơ lửng và loại các thành khó phân hủy sinh học, thời gian xử lý là 67 ngày. Sau đó nước thải được bơm qua Ao sinh học để phân huỷ các chất hữu cơ trong nước thải nhờ các vi sinh vật và các loại thực vật (lục bình, bèo,...) có trong Ao với thời gian xử lý là 9,5 ngày. Sau đó nước chảy qua hồ khử trùng có sử dụng Clorin để khử trùng nước thải trước khi chảy vào Hồ ga thu mẫu và thoát vào nguồn tiếp nhận.

Mô tả chi tiết hạng mục xử lý nước thải

- **Hồ ga thu gom nước thải**

Hồ thu gom có nhiệm vụ ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải đầu vào lắng các chất rắn lơ lửng và loại các thành phần khó phân hủy sinh học. Nhờ quá trình ổn định này mà quá trình xử lý vi sinh phía sau được ổn định với hiệu suất cao, đồng thời kích thích các công trình trong hệ thống sẽ được giảm thiểu đáng kể. Được đặt trong các dãy chuồng nuôi để thu gom nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại và có trang bị máy bơm nước thải để đưa nước thải về túi ủ biogas để xử lý.

- **Túi ủ Biogas**

Nước thải từ Bể thu gom được bơm vào Túi ủ Biogas tại đây nước thải trong môi trường yếm khí tạo điều kiện cho vi sinh vật yếm khí hoạt động. Nhờ hoạt động của hệ vi khuẩn yếm khí phân giải các hợp chất hữu cơ nhỏ thành các axit béo nhẹ và chuyển hóa thành khí sinh học Sau khi phân hủy xong phụ phẩm được tự động đẩy hết ra ngoài do áp lực khí trong bể và sự chênh lệch về khối lượng riêng giữa phân tươi ở đầu vào và phụ phẩm sau khi phân hủy ở đầu ra của túi ủ. Qua đó là giảm nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải như: BOD, COD, SS,...Phần bùn cặn của túi ủ sau quá trình xử lý sẽ được thu gom, lưu trữ và sử dụng để bón phân cho cây trồng trong khuôn viên trang trại.

- **Ao sinh học**

Nước thải sau xử lý từ Túi ủ Biogas được bơm vào Ao sinh học. Tại đây với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong hóa trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70%-90%, photpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%).

- **Hồ khử trùng**

Nước thải sau khi qua các công đoạn xử lý sinh học: túi ủ biogas và ao sinh học cần được khử khuẩn để đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Tại hồ khử trùng nước thải được châm hóa chất khử trùng là Chlorine để sát khuẩn trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

- **Hồ ga thu mẫu**

Nước thải sau khi đã xử lý được dẫn về hồ ga trước khi thải ra Kênh 25. Hồ ga có chức năng thu giữ nước thải để phục vụ cho công tác lấy mẫu cho chương trình giám sát định kỳ.

Bảng 5. Danh mục các hạng mục của quy trình xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Kích thước	Quy cách
1	Hồ thu gom nước thải (11 hồ thu gom)	Dài 1m x rộng 1m x sâu 1m	- Nền trát xi măng, bê tông vách và có nắp đậy
2	Túi ủ biogas	Thể tích túi ủ biogas hiện hữu 1.423 m ³ :	- Bạt HDPE túi ủ độ dày 0,5mm, khối lượng riêng 0,47 kg/m ² ; - Hệ thống đường ống nhựa dẫn khí sinh học Ø 90
3	Ao sinh học	Dài 10m x rộng 10m x sâu 2m	Ao đất, được lót bạt và trồng cây thủy sinh
4	Hồ khử trùng	Dài 1m x rộng 1m x sâu 1m	- Nền trát xi măng và xây gạch
5	Hồ ga thu mẫu	Dài 1m x rộng 1m x sâu 1m	- Nền trát xi măng và xây gạch

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H₂S, NH₃, CO₂...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm; Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế xây dựng các trại nuôi đảm bảo kín và bố trí 4 quạt hút ở mỗi dãy chuồng để đảm bảo không gian trong chuồng luôn phải đảm bảo được thông thoáng.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thu gom phân định kỳ không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 2 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.
- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở.
- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy chuồng nuôi, định kỳ 2 ngày/lần.
- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.
- Đối với máy phát điện: ảnh hưởng của các loại khí thải phát sinh từ máy phát điện là không đáng kể, do máy phát điện chỉ được sử dụng khi có sự cố mất điện. Mật khác nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải chạy máy phát điện không vượt QCVN 19:2009/BTNMT nhưng vẫn cần lắp đặt ống khói cao 3m để tăng khả năng khuếch tán khí thải. Bên cạnh việc phát sinh các khí ô nhiễm, máy phát điện dự phòng còn tạo ra độ rung và chấn động nhất định khi hoạt động. Để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tiếng ồn và rung, chủ cơ sở cho lắp đặt máy phát điện trên nền bê tông có bố trí các đế chống ồn.
- Đối với khí từ hầm ủ biogas: Lượng khí phát sinh không nhiều do loại hình chăn nuôi không phát sinh nhiều chất thải nên lượng khí thoát ra không đáng kể để gây tác động xấu đến môi trường xung quanh.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

- **Đối với chất thải rắn sinh hoạt:** tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 1,5 - 2 kg/ngày với thành phần ô nhiễm chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy.
 - + Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở sử dụng bố trí khoảng 2 thùng rác 50 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt của công nhân.
 - + Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom, tập kết tại cổng của cơ sở vào mỗi buổi chiều. Sau đó, thuê đơn vị thu gom rác của địa phương thu gom và xử lý.
- **Đối với chất thải rắn chăn nuôi:** Chủ cơ sở sẽ thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cụ thể:

Phân gà và trấu lót nền phát sinh từ các trại sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao), sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi, không để tồn đọng tại trại.

Trong quá trình thu gom phân, các giải pháp sau được thực hiện nhằm hạn chế gây ô nhiễm đến môi trường:

- Phân thu gom được cho vào bao (tận dụng bao chứa thức ăn) để hạn chế phát tán mùi, mầm bệnh ra bên ngoài trong quá trình thu gom và vận chuyển.

- Toàn bộ khu vực chuồng trại sẽ được vệ sinh và khử trùng bằng Xút 2-3% và Formol 2-3% sau mỗi đợt thu gom phân.

- Quá trình vận chuyển phân được dùng bạt phủ kín thùng xe, tránh gây rơi vãi dọc đường.

Trong trường hợp trấu và phân gà chưa được các cơ sở thu gom sau khi kết thúc đợt nuôi. Chủ cơ sở sẽ không xây dựng kho lưu chứa chất thải này mà sẽ giữ nguyên hiện trạng, phun thuốc sát trùng để tiêu diệt các loại vi khuẩn gây mùi có hại và lưu chứa phân tại chuồng nuôi, chỉ thả nuôi đợt gà mới sau khi đã bán hết lượng chất thải phát sinh này.

Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Các loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất như túi nilon, thùng carton,.. không dính hóa chất nguy hại được Chủ cơ sở hợp đồng thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

Chất thải rắn nguy hại phát sinh tại dự án sẽ Chủ dự án sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa có dán nhãn tại kho chứa chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ cơ sở bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 8m² trong nhà kho để chứa các loại CTNH.

Các chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được Công ty cung cấp thuốc thú y thu gom lại theo định kỳ để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại, chủ dự án

sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Nhắc nhở công nhân giữ gìn trật tự để hạn chế tiếng ồn phát sinh.
- Máy phát điện được đặt trong khu vực riêng, cách xa nơi làm việc của công nhân. Lắp đặt bộ phận giảm thanh để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Nền móng nơi đặt máy phát điện được gia cố chắc chắn.
- Máy phát điện, máy móc được đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

Quá trình hoạt động xử lý chất thải vẫn có khả năng bị hư hỏng hay không đạt yêu cầu. Vì vậy Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả của việc xử lý chất thải. Về việc tập huấn các kiến thức về xử lý chất thải sẽ do đơn vị thi công công trình túi ủ Biogas hướng dẫn.

Khi có sự cố về túi ủ Biogas Chủ cơ sở sẽ ngừng hoạt động của túi ủ để tiến hành khắc phục, trong thời gian chờ khắc phục sự cố lượng nước thải chăn nuôi sẽ được đưa trực tiếp qua ao sinh học để chứa tạm thời, sau đó sẽ đưa về túi ủ sau khi xử lý xong sự cố.

Kiểm tra hệ thống ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Nạo vét bùn lắng tại Ao lắng, bón vôi hay zeolite vào để hỗ trợ quá trình lắng.
- Bón vôi hay zeolite tại Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải tại các ao này.
- Các ao sinh học tại Cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ sở phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước thải từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường

7. Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Côn trùng**

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng).

- Thường xuyên vệ sinh khu nuôi thông thoáng.

*** Giảm thiểu tác động của việc khai thác nước ngầm**

- Chủ động giữ gìn vệ sinh xung quanh giếng khai thác và thực hiện các biện pháp phòng, chống, ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan khai thác.

- Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

- Xung quanh các giếng được trám xi măng nên quá trình chống thấm chất ô nhiễm từ mặt đất xuống mực nước dưới đất được thực hiện khá tốt. Bên cạnh đó, trong khu vực này các loại hóa chất sử dụng khi được lưu trữ đảm bảo không rò rỉ ra môi trường bên ngoài, cụ thể là: hóa chất chứa trong dụng cụ chống rò rỉ; kho chứa phải được gia cố nền chống thấm, có mái che ngăn không cho nước mưa chảy tràn vào, vị trí giếng khoan cách xa khu vực hệ thống xử lý nước thải.

*** Trật tự xã hội**

- Chủ Cơ sở sẽ bố trí nhân viên giữ gìn trật tự tại khu vực Cơ sở, kịp thời xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra như mâu thuẫn giữa công nhân với nhau, trộm cướp,...

*** Tai nạn lao động**

- Quy định các nội quy làm việc tại cơ sở, bao gồm nội quy ra, vào nơi làm việc; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy sử dụng các thiết bị về an toàn điện,....

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải được thiết kế đúng theo quy định về an toàn điện.

*** Giảm thiểu sự cố cháy nổ**

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo phòng chống cháy nổ. Cụ thể:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

*** Vệ sinh thú y**

- Công nhân hạn chế ra vào cơ sở và phải xịt khử khuẩn trước và sau khi ra vào các dãy chuồng
- Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và chuồng nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các chuồng nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng.
- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 1 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên heo 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.
- Vệ sinh máng ăn, máng uống hàng ngày.
- Khi sử dụng bể, bể chuột có biển thông báo và ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bể, bể và thường xuyên kiểm tra thu gom để xử lý.
- Áp dụng phương thức chăn nuôi “cùng vào cùng ra” theo thứ tự ưu tiên cả khu, từng dãy.

*** Các biện pháp phòng sự cố dịch bệnh**

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016. Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Thông báo ngay cho cơ quan thú y khi gia súc, gia cầm mắc bệnh.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, trong trường hợp nếu người lao động tiếp xúc với gia cầm bị ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế để khám.

Bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 1 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

*** Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:**

Đối với gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh Chủ cơ sở có thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy gà khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus phát tán rangelai môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện tga hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

+ Biện pháp tiêu hủy: Cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy thủ công bằng cách đào hố chôn lấp, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi và dầu, sau đó lấp đất và nện chặt.

+ Vị trí đốt chôn lấp: Phía sau dãy chuồng 3 của cơ sở (vị trí này phù hợp với các yêu cầu là: phải cách xa nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi động vật tối thiểu 30m và có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn tốt nhất là vườn cây ăn quả hoặc lấy gỗ).

+ Kích cỡ: Hố chôn cần có kích thước là sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố tỷ lệ khoảng 01kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 2 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

CHƯƠNG 4

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải: nước thải chăn nuôi

+ Nguồn số 1: Nước thải chăn nuôi từ quá trình hoạt động của cơ sở (vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi 12 tháng).

- Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 3 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: Dòng nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận là Kênh 25 tiếp giáp cơ sở.

- Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, giá trị C_{max}, cột B, với hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của cơ sở như sau:

Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Ghi chú:

- Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ranguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ranguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT			
			K _q (1)	K _f (2)	C (3)	C _{max} (1)*(2)*(3)
1	pH	-	-	-	5,5-9	5,5-9
2	BOD5	mg/L	0,9	1,3	100	108
3	COD	mg/L	0,9	1,3	300	324
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	0,9	1,3	150	162
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	0,9	1,3	150	162
6	Tổng Coliform	MPN/100 ml	-	-	5.500	5.500

- Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C (không áp dụng hệ số k_q và k_f) đối với thông số pH và tổng Coliform.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: Trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy thuộc ấp ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 6°): X = 594536; Y = 1079836.

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận: Kênh 25.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn 01: Máy phát điện dự phòng.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 1.007,150 m³/giờ.

Máy phát điện dự phòng sử dụng 60 lít dầu DO/giờ tương đương 52,2kg dầu DO/giờ (1 lít dầu DO có thể quy đổi thành 0.87 kg). Thể tích sản phẩm cháy thu được trong quá trình đốt 01 kg dầu DO ở điều kiện chuẩn (Trần Ngọc Chấn, 2011):

Thể tích sản phẩm cháy nhiên liệu dầu DO ở điều kiện chuẩn $V = 18,6783 \text{ m}^3$ chuẩn/kg dầu. Nhiệt độ khí thải cao nhất 150°C (423°K), lượng khí thải thực tế là: $18,6783 \times (273 + 150)/273 = 28,9411 \text{ m}^3/\text{kg}$ dầu.

Lưu lượng khí thải quy về nhiệt độ khí thải tại 25°C (225°K) là: $Q = 18,6783 \times (273 + 25)/273 = 20,3888 \text{ m}^3/\text{kg}$ dầu.

Như vậy, ta có lưu lượng khí thải từ quá trình đốt dầu DO như sau:

+ Ở điều kiện chuẩn 1 at, 0°C:

$$Q = 18,6783 \times 52,2 = 975,007 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

+ Ở nhiệt độ 25°C (298°K):

$$Q = 20,3888 \times 52,2 = 1.064,295 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

+ Ở nhiệt độ 150°C (423°K):

$$Q = 28,9411 \times 52,2 = 1.510,725 \text{ m}^3/\text{giờ}.$$

- Dòng khí thải: Chủ yếu là khí thải từ hoạt động đốt dầu của máy phát điện.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Đối với hoạt động của máy phát điện tại cơ sở nguồn khí thải phát sinh bao gồm các chất ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC và giá trị giới hạn của các chất được quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 7. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải.

TT	Thông số	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi	200
2	SO ₂	500

3	NO _x	850
4	CO	1000

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả khí thải: Trại chăn nuôi gà đẻ trứng Bùi Chung Thủy thuộc ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105030' múi chiều 60): X = 594514; Y = 1079796.

+ Phương thức xả thải: tự thoát vào môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh:

+ Tiếng ồn phát sinh từ các dãy chuồng nuôi trong quá trình chăn nuôi gà.

+ Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng khi đang hoạt động.

- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung:

Bảng 8. Giới hạn tiếng ồn, độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	75	Mức nền	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

Ghi chú:

- *QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;*

- *QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;*

- *Khu vực thông thường: Gồm: khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc*

liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính;

- *Mức nền: Là mức gia tốc rung đo được khi không có các hoạt động sản xuất, thương*

mại, dịch vụ và xây dựng tại các khu vực được đánh giá.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại:

Đơn vị tư vấn: Công Ty TNHH Môi Trường Tâm An Phát

Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Điện thoại: 0764.742.424

- Loại rác thải nguy hại: Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở như sau:

Bảng 9. Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	20 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh gia cầm
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	0,2 kg/năm	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	6 lít/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2 kg/năm	Thắp sáng đường, chuồng nuôi, các đầu trại
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	0,5 kg/năm	
6	Xác gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	-	Từ quá trình chăn nuôi

- Biện pháp xử lý:

+ Đối với: Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng, kim tiêm đã qua sử dụng chủ cơ sở sẽ tập kết tại kho chứa CTNH và sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý định kỳ 01 năm/lần.

+ Đối với: Cặn dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt chủ cơ sở sẽ tập kết tại kho chứa CTNH và sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý định kỳ 01 năm/lần.

+ Đối với xác gia súc chết do dịch bệnh (nếu có): Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

- Biện pháp tiêu hủy: Cơ sở lựa chọn biện pháp tiêu hủy bằng cách đào hố chôn lấp, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi và dầu, sau đó lấp đất và nện chặt.

- Vị trí đốt chôn lấp: Vị trí đốt chôn lấp: Phía sau dãy chuồng 3 của cơ sở (vị trí này phù hợp với các yêu cầu là: phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi động

vật tối thiểu 30 m và có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn tốt nhất là vườn cây ăn quả hoặc lấy gỗ).

- Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sứt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

Nguồn phát sinh:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại cơ sở. Chủ yếu là: lá cây, rau củ thừa, bọc nilong...

- + Chất thải rắn chăn nuôi: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi gà tại cơ sở. Các loại rác thải chủ yếu là: Bao bì đựng thức ăn, trấu lẫn phân gà, xác gà chết không do dịch bệnh.

- Khối lượng:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: 13 kg/ngày.

- + Chất thải rắn chăn nuôi:

- Bao bì đựng thức ăn: Lượng thức ăn sử dụng cho quá trình nuôi khoảng 200 tấn/tháng, mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg. Sau mỗi đợt nuôi số lượng phát sinh khoảng 9.600 bao. Mỗi bao nặng khoảng 0,1 kg như vậy khối lượng bao thức ăn sau mỗi đợt sẽ là $9.600 \times 0,1 = 960$ kg.

- Trấu lẫn phân gà: Sau khi kết thúc đợt nuôi thì khối lượng hỗn hợp này phát sinh khoảng 545,4 tấn/ đợt nuôi (trong đó khối lượng trấu khoảng 54 tấn và khối lượng phân gà khoảng 491,4 tấn/ đợt nuôi). Theo Lochr 1984 thì tỉ lệ khối lượng phân trên trọng lượng cơ thể gia cầm là khoảng 5%. Với tổng đợt nuôi là 78.000 con trong thời gian 45 ngày khi gà đạt khối lượng là 2,8kg/con thì khối lượng phân tối đa gà thải ra sẽ là: $78.000 \times 45 \times 2,8 \times 5\% = 491.400$ kg.

- Xác gà chết (không do dịch bệnh): lượng gà chết khoảng 5% tổng số đàn (khoảng 3900 con /đợt) không do dịch bệnh tùy thuộc vào những yếu tố như thuốc thú y, vaccin, nhiệt độ, nước uống.

- Biện pháp xử lý:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt thu gom chứa trong 02 thùng nhựa 50 lít có nắp đậy. Các thùng được bố trí ở các khu vực sinh hoạt của công nhân làm việc tại cơ sở. Lượng rác thải này được hợp đồng với đơn vị thu gom rác sinh hoạt tại địa phương thu gom về bãi rác tập trung để xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

+ Chất thải rắn chăn nuôi:

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà.

- Trấu lẫn phân gà: thu gom định kỳ hằng ngày được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao), sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi, không để tồn đọng tại trại.

- Xác gà chết (không do dịch bệnh): Đào hố chôn lấp.

CHƯƠNG 5

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Trong thời gian qua cơ sở chưa lập thủ tục môi trường nên chưa thực hiện quan trắc nước thải, tuy nhiên khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường sẽ thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định hiện hành.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Trong thời gian qua cơ sở chưa lập thủ tục môi trường nên chưa thực hiện quan trắc khí thải, tuy nhiên khi cơ sở được cấp giấy phép môi trường sẽ thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định hiện hành.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình báo cáo

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở sau khi qua hệ thống xử lý là Kênh 25. Để đánh giá khả năng nguồn tiếp nhận nước thải, Chủ cơ sở phối hợp cùng Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú tiến hành thu mẫu nước mặt tại Kênh 25 tiếp giáp cơ sở, thời gian thu mẫu nước 03 ngày liên tục từ ngày 18/7/2022 đến ngày 20/7/2022, kết quả như sau:

Bảng 10. Chất lượng nước mặt trên Kênh 25 tiếp giáp cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1)
			18/7/22	19/7/22	20/7/22	
1	pH	-	7,09	7,05	7,08	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	20,5	22	21,5	50
3	Nhu cầu hóa học(COD)	mg/L	27	29	24	30
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	13	14	13	15
5	Nitrat (NO ₃ -tính theo N)	mg/L	1,7	1,7	1,8	10
6	Phosphat	mg/L	0,07	0,04	0,09	0,3
7	Coliform	MPN/100ml	2600	2300	2200	7500

Ghi chú: Việc phân hạng A1, A2, B1, B2 đối với các nguồn nước mặt nhằm đánh giá và kiểm soát chất lượng nước, phục vụ cho các mục đích sử dụng nước khác nhau,

được sắp xếp theo mức chất lượng giảm dần.

A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.

A2 - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

B1 - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

B2 - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Qua kết quả phân tích tại bảng trên cho thấy đa số các thông số đều nằm trong giá trị giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Riêng thông số BOD và COD gần vượt quy chuẩn cho phép. Chủ cơ sở cần quan tâm vấn đề xử lý nước thải phát sinh của cơ sở để tránh nước thải phát sinh gây tác động xấu đến nguồn tiếp nhận, đặc biệt là các thông số COD và BOD. Nguồn nước tiếp nhận nước thải là Kênh 25, kênh này được dùng để cung cấp nước phục vụ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp tại khu vực. Vì vậy, trong quá trình hoạt động của cơ sở luôn đảm bảo xử lý nước thải phát sinh đạt quy chuẩn trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận để không ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp của người dân trong thời gian tới.

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đầu tư, chủ cơ sở đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Chương trình quan trắc môi trường

Cơ sở không thuộc trường hợp phải quan trắc định kỳ theo quy định được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường chủ cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc nước thải, cụ thể như sau:

* Quan trắc nước thải

- Thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ (theo N), tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí Hồ ga thu mẫu trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, giá trị C_{max}, cột B, với hệ số k_q = 0,9 và k_f = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Áp dụng giá trị tối đa cho phép C_{max} = C (không áp dụng hệ số k_q và k_f) đối với thông số pH và tổng coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

* Quan trắc nước mặt

- Thông số: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại vị trí trên Kênh 25 tiếp giáp cơ sở.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNMT, giá trị cột B1 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

* Giám sát khác

- Giám sát tình hình phát sinh CTNH:

Nội dung thực hiện: Theo dõi, thống kê số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở. Báo cáo khối lượng phát sinh của từng loại CTNH tại cơ sở đến Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Sóc Trăng theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

*** Giám sát chất thải rắn thông thường**

Nội dung giám sát: Thống kê khối lượng của từng loại chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt, bao bì đựng thức ăn,...)

Tần suất giám sát: Thường xuyên liên tục.

*** Giám sát chất thải rắn, CTNH**

- Giám sát khối lượng chất thải phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý và báo cáo theo quy định,... Giám sát quy trình thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Tần suất báo cáo: 1 lần/năm.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên liên tục.

*** Các giám sát khác:** Hệ thống phòng cháy chữa cháy, giám sát các dịch bệnh,... theo quy định hiện hành.

Tần suất giám sát: 1 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Chủ cơ sở bố trí kinh phí thực hiện công việc giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

Bảng 11. Tổng kinh phí giám sát môi trường

STT	Thành phần	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Thành tiền (đồng)
11	Giám sát nước thải	2	2	7.000.000VNĐ
22	Giám sát nước mặt	2	2	9.000.000VNĐ

CHƯƠNG 7

KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 12/03/2020, Tổ công tác của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra tại Trang trại; qua kết quả kiểm tra, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPVPHC, ngày 29/5/2020 về lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước với tổng số tiền 190.300.000 đồng, trong đó xử phạt đối với hành vi không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định với số tiền 175.000.000 đồng; buộc Chủ trang trại thực hiện việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Chủ Trang trại đã thực hiện việc nộp tiền phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

CHƯƠNG 8

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Bùi Chung Thủy cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan. Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý môi trường ở địa phương.

+ Đảm bảo thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

+ Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án. Đảm bảo các biện pháp xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn tránh gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

- Thu gom, xử lý chất thải, nước thải chăn nuôi đạt chất lượng QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ và có biện pháp xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện thủ tục xin phép khai thác nước dưới đất và thủ tục xin phép xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai dự án.

Ngoài việc cam kết các vấn đề về môi trường cần phải thực hiện chủ dự án cũng cam kết thực hiện đúng theo các quy định của ngành thú y như sau:

+ Trước khi vào hoạt động, chủ dự án sẽ tiến hành đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y với Chi cục thú y để được cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

+ Việc nhập và xuất con giống phải được thực hiện đúng theo quy định.

+ Việc tiêm phòng cho đàn gà theo định kỳ phải báo cáo đến cơ quan thú y để giám sát và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng cho mỗi loại bệnh.

+ Các loại thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh học, hóa chất dung trong thú y đều thuộc danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Văn bản quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở.



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: midaiphu@gmail.com
Website: giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 05695/2022/PKQ (22.3734)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRÚNG BÙI CHUNG THÙY
Áp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Mẫu do khách hàng gửi đến
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220719.NM.001	Nước mặt NM1: Trên kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 18/07/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 25/07/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result
				220719.NM.001
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,09
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	20,5
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	27
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13
5	NO ₃ ^{-(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E: 2017	1,7
6	PO ₄ ^{3-(a,b)}	mg/L	TCVN 6202:2008	0,07
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,6x10 ³

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2022



ĐOÀN THỊ THÙY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1



Mã số/ Ref. No: 05713/2022/PKQ (22.3735)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẸ TRÚNG BÙI CHUNG THỦY**
Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **Mẫu do khách hàng gửi đến**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước mặt**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220720.NM .001	Nước mặt NM1: Trên kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 19/07/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 26/07/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result
				220720.NM .001
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,05
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	22
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	29
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14
5	NO ₃ ^{-(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	1,7
6	PO ₄ ^{3-(a,b)}	mg/L	TCVN 6202:2008	0,04
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,3x10 ³

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2022



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6660477 Email: mt-daiphu@gmail.com
Website: giam-sat-moi-truong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 05726/2022/PKQ (22.3736)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRÚNG BÙI CHUNG THỦY**
Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **Mẫu do khách hàng gửi mẫu**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước mặt**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
220721.NM .001	Nước mặt NM1: Trên kênh nội đồng tiếp giáp cơ sở

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 20/07/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 27/07/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result
				220721.NM .001
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,08
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	21,5
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	24
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13
5	NO ₃ ^{-(a,b)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	1,8
6	PO ₄ ^{3-(a,b)}	mg/L	TCVN 6202:2008	0,09
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,2x10 ³

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2022



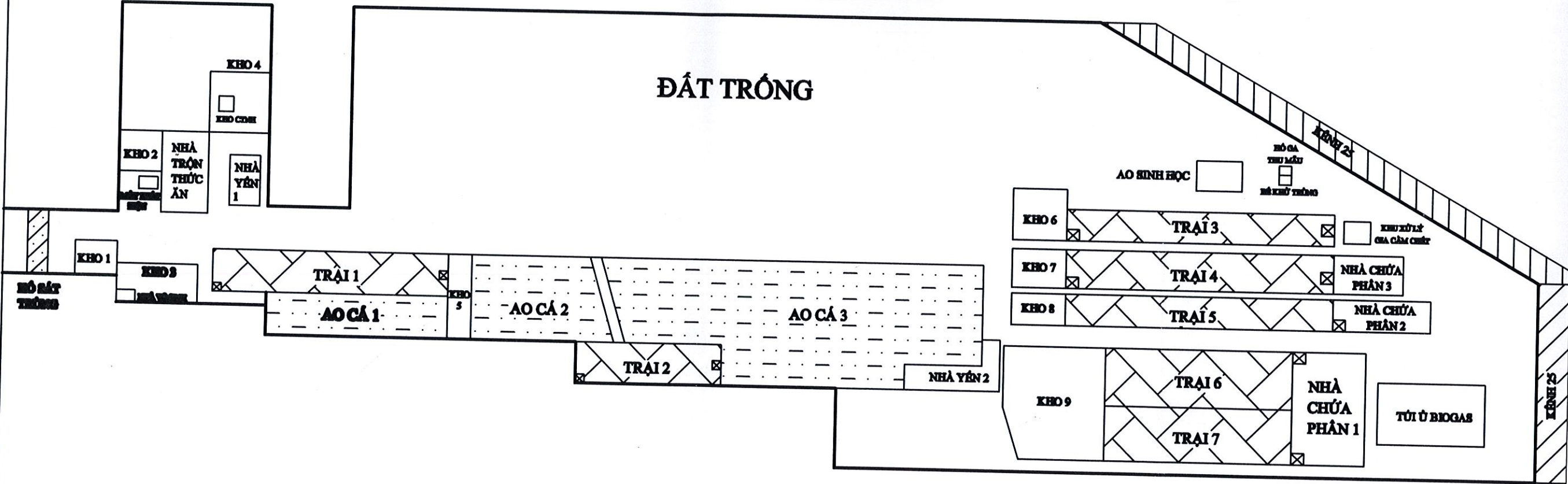
ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRỨNG BÙI CHUNG THỦY

QUỐC LỘ 1A

QUỐC LỘ 1A



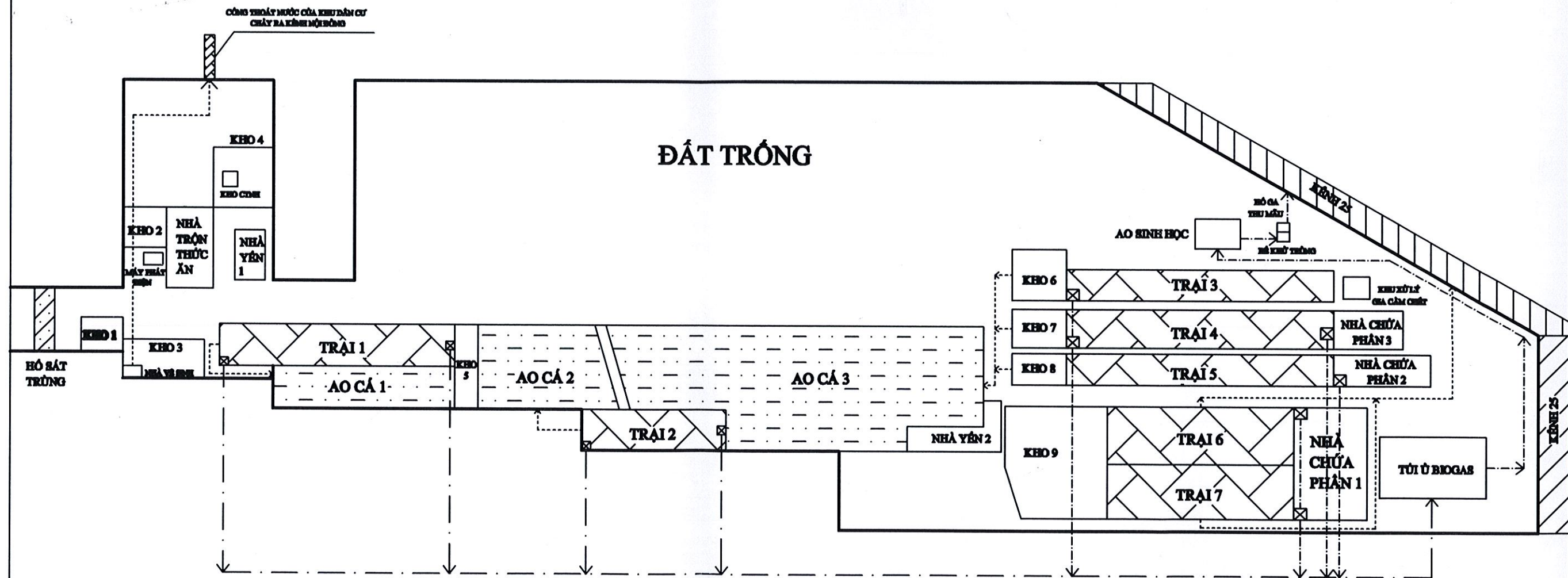
GHI CHÚ:
BỂ THU GOM NƯỚC THẢI

SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRỨNG BÙI CHUNG THỦY

QUỐC LỘ 1A

QUỐC LỘ 1A



GHI CHÚ:

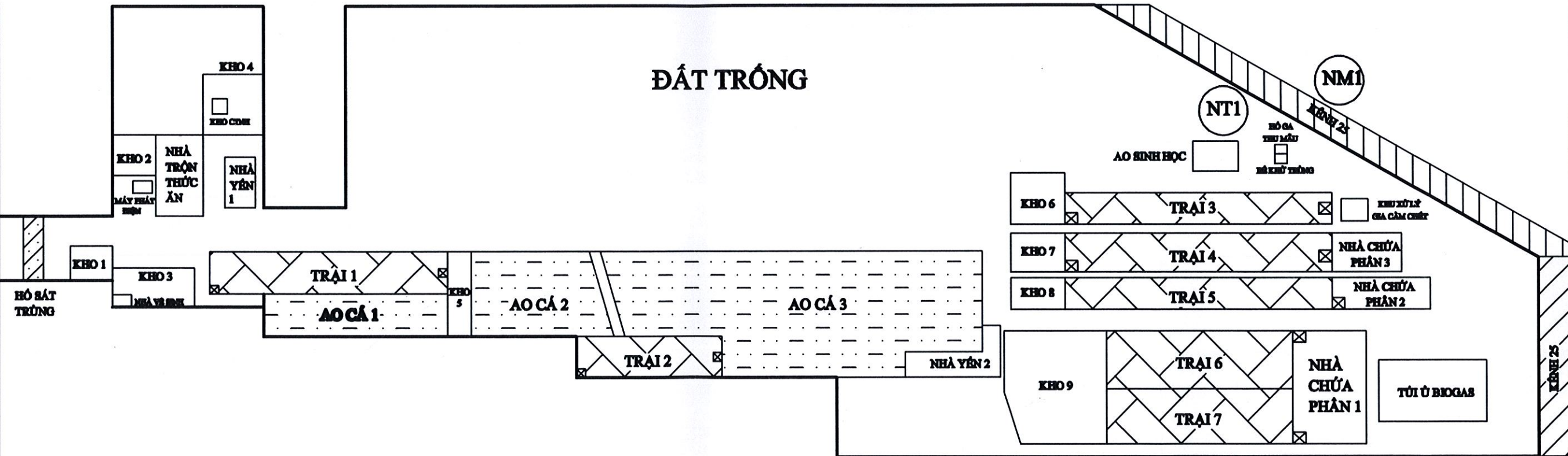
ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI →

ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC MƯA →

SƠ ĐỒ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ ĐẼ TRỨNG BÙI CHUNG THỦY

QUỐC LỘ 1A

QUỐC LỘ 1A



GHI CHÚ:
NM1: TRÊN KÊNH NỘI ĐỒNG TIẾP GIÁP CƠ SỞ
NT1: TẠI HỒ GA THU MẪU

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 5 6 1 2 1 0 0 5 8 4 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: BÙI CHUNG THỦY

Năm sinh: 1968, CCCD số: 068068004435

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bà: TRẦN THỊ KIM MAI

Năm sinh: 1971, CCCD số: 094171004230

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

DC 813226

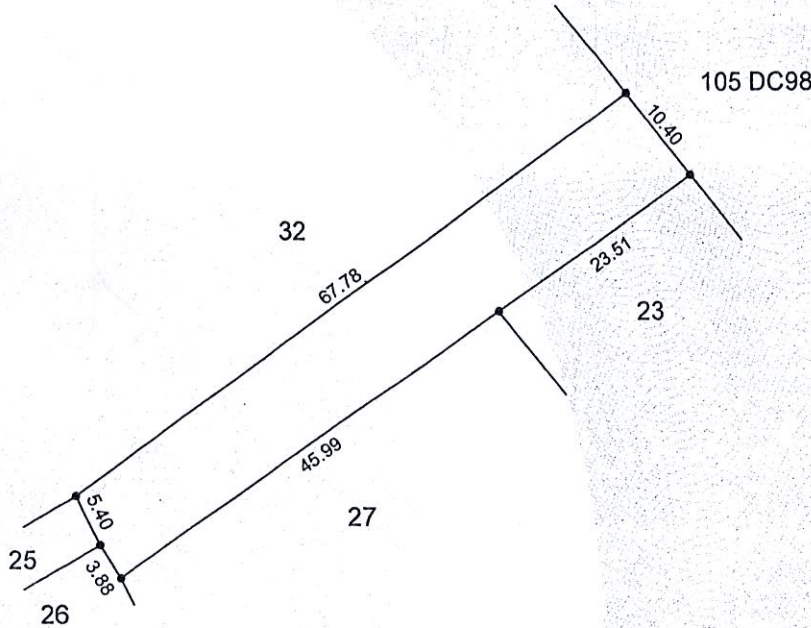
II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

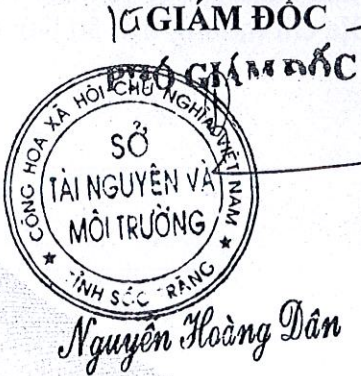
- a) Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 115
- b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
- c) Diện tích: 673,0m², (bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi ba phẩy không mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 15/10/2043
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

- 2. Nhà ở: -/-.
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-.
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.
- 5. Cây lâu năm: -/-.
- 6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sóc Trăng, ngày 17 tháng 11 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG



Số vào sổ cấp GCN: CS05847

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 5 6 1 2 1 0 0 5 8 4 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: BÙI CHUNG THỦY

Năm sinh: 1968, CCCD số: 068068004435

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bà: TRẦN THỊ KIM MAI

Năm sinh: 1971, CCCD số: 094171004230

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

DC 813225

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 31, tờ bản đồ số: 115
b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
c) Diện tích: 107,2m², (bằng chữ: Một trăm lẻ bảy phẩy hai mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 25,0m², đất trồng cây lâu năm 82,2m²
e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 15/10/2043
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 25,0m²; Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 82,2m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

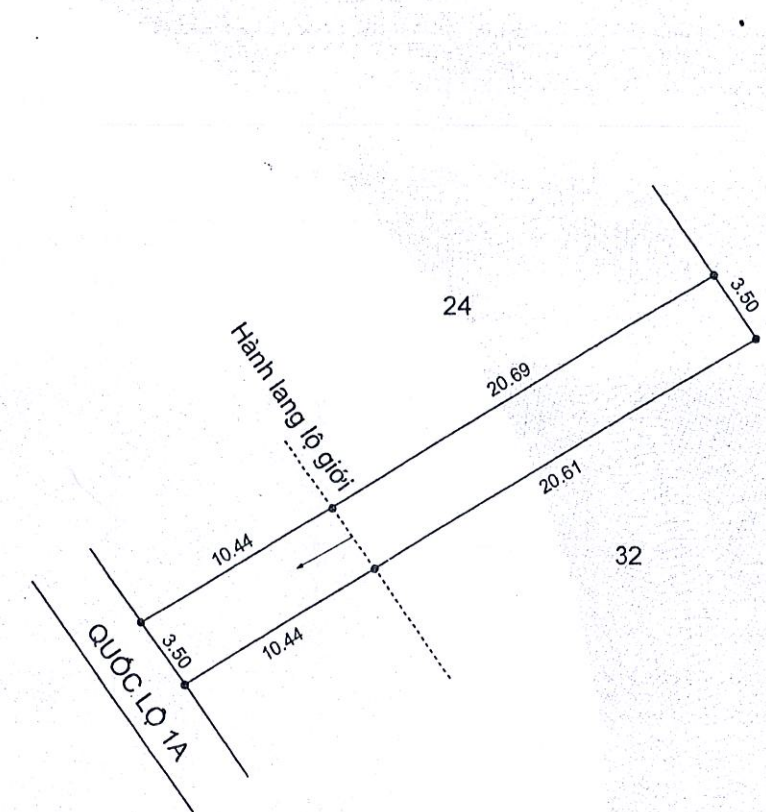
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

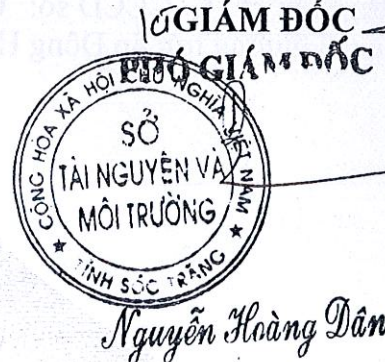
6. Ghi chú:

Thừa đất có 36,0m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 1A

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sóc Trăng, ngày 11 tháng 12 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG



Số vào sổ cấp GCN: CS05846

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Ông: BÙI CHUNG THỦY
Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732
Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



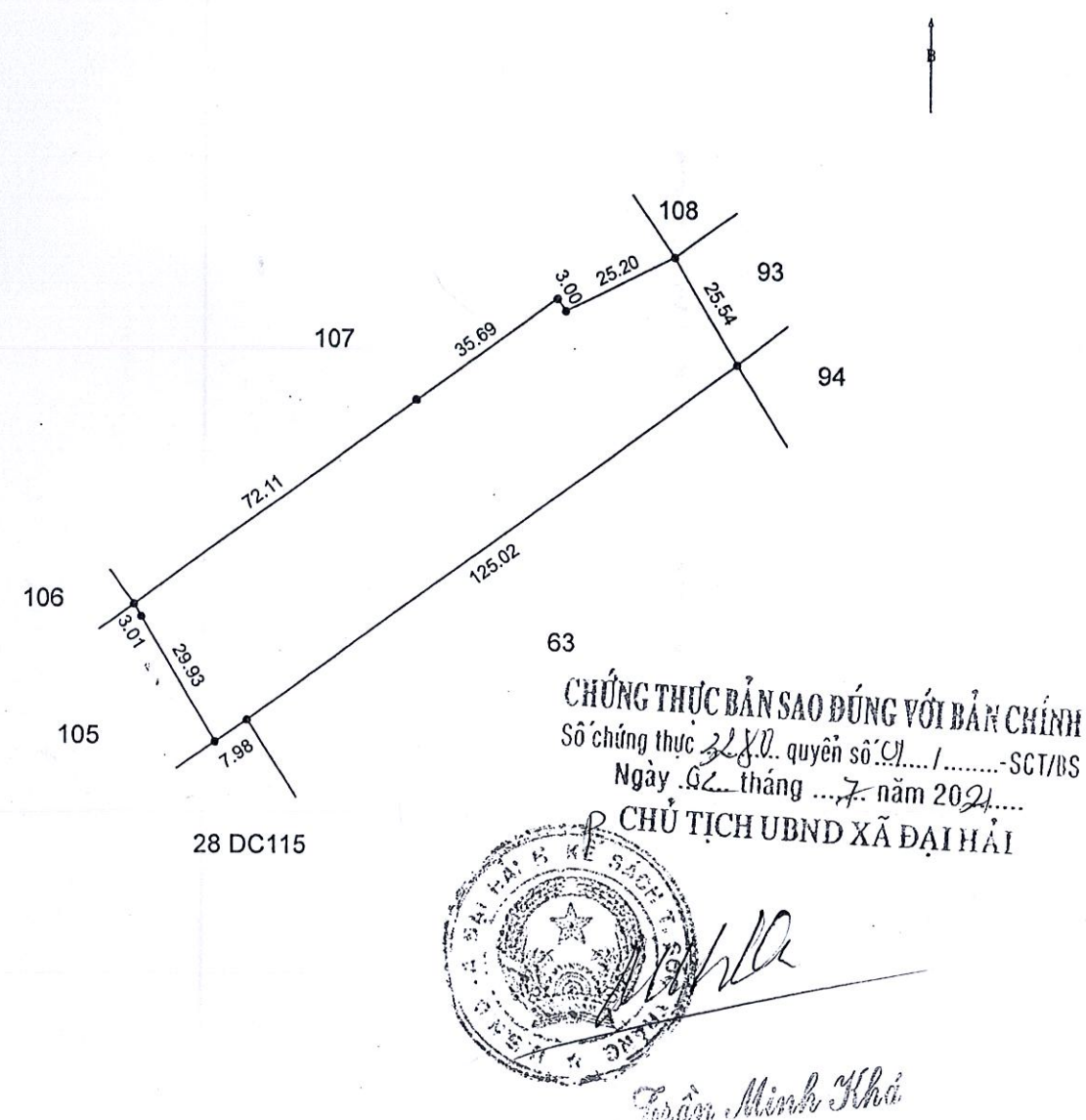
3 1 5 6 1 2 1 0 0 5 6 1 3

CX 765245

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:
- a) Thửa đất số: 109, tờ bản đồ số: 98
 - b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
 - c) Diện tích: 4239,4m², (bằng chữ: Bốn nghìn hai trăm ba mươi chín phẩy bốn mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
 - e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 15/10/2063
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-.
3. Công trình xây dựng khác: -/-.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.
5. Cây lâu năm: -/-.
6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sóc Trăng, ngày 22 tháng 07 năm 2021.
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH SÓC TRĂNG
Nguyễn Hoàng Dân

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
"Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 109, tờ bản đồ số: 98, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 4239.4m ² (Bốn nghìn hai trăm ba mươi chín phẩy bốn mét vuông), theo hồ sơ số 005613.CM.001".	Ngày 16/6/2021 GIÁM ĐỐC CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phạm Hải Thiện

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: BÙI CHUNG THỦY

Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Bà: TRẦN THỊ KIM MAI

Năm sinh: 1971, CMND số: 365092678

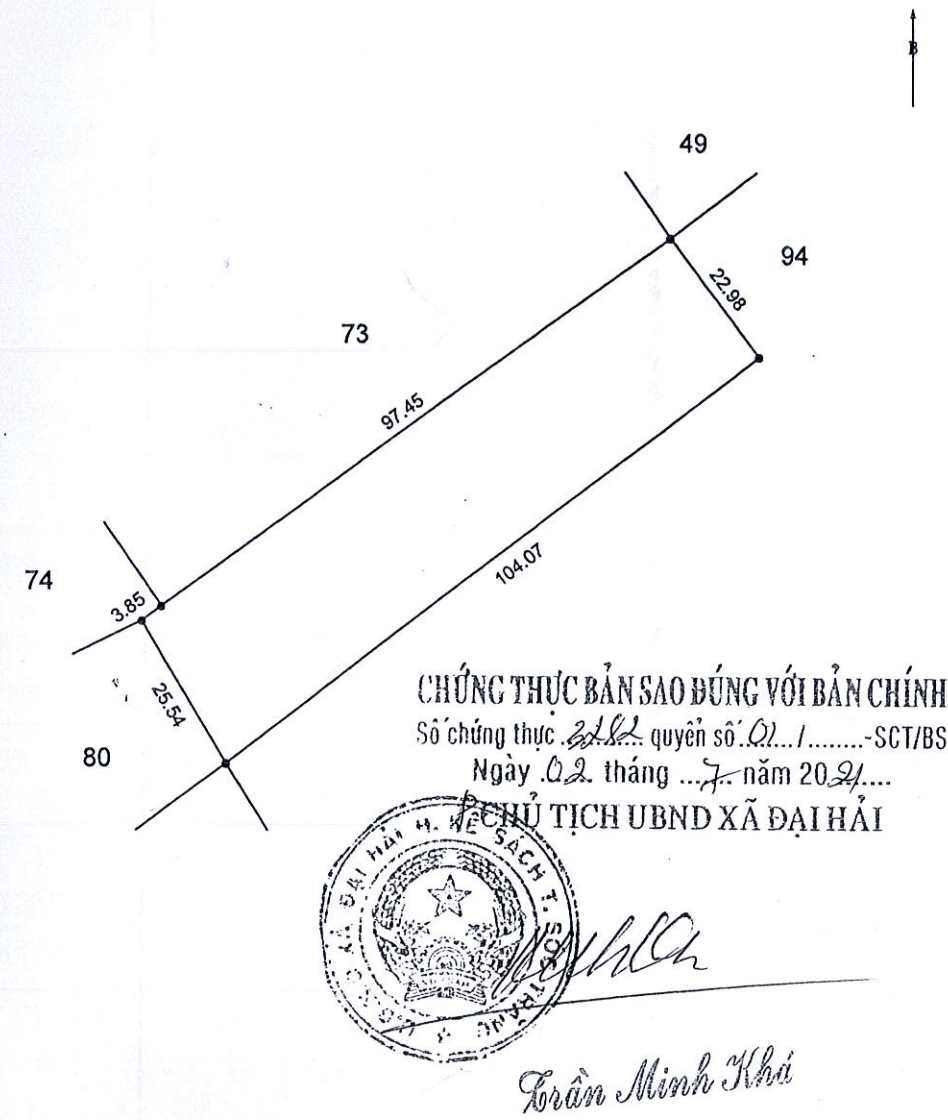
Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CX 828742

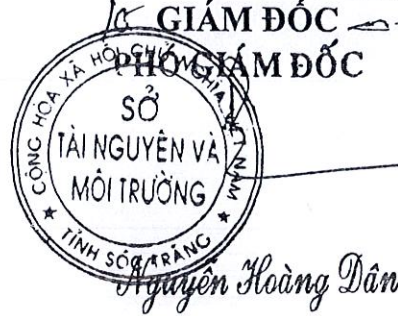
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
- a) Thừa đất số: 93, tờ bản đồ số: 98
 - b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
 - c) Diện tích: 2484,7m², (bằng chữ: Hai nghìn bốn trăm tám mươi bốn phẩy bảy mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
 - e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 15/10/2063
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-.
3. Công trình xây dựng khác: -/-.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.
5. Cây lâu năm: -/-.
6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sóc Trăng, ngày 02 tháng 03 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
“Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 93, tờ bản đồ số: 98, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 2484.7m ² (Hai nghìn bốn trăm tám mươi bốn phẩy bảy mét vuông), theo hồ sơ số 005654.CM.001”.	Ngày 21/6/2021 GIÁM ĐỐC CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phạm Hải Thiện

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3156118004832

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: BÙI CHUNG THUỶ

Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732

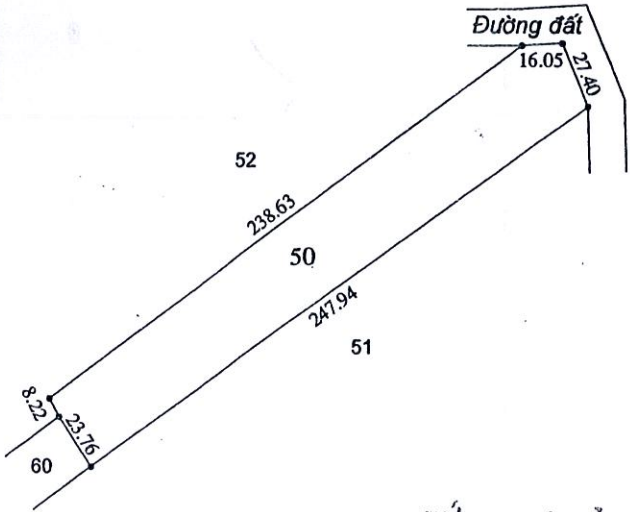
Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CN 603204

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
- a) Thừa đất số: 50, tờ bản đồ số: 98
 - b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
 - c) Diện tích: 8.376m², (bằng chữ: Tám nghìn ba trăm bảy mươi sáu mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
 - e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 15/10/2063
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-.
3. Công trình xây dựng khác: -/-.
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.
5. Cây lâu năm: -/-.
6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2278 quyền số 01/.....SCT/BS
Ngày 02 tháng 07 năm 2021
THỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI



Trần Minh Khá

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 06 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG
GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc An

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
“Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 50, tờ bản đồ số: 98, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 8376.0m ² (Tám nghìn ba trăm bảy mươi sáu phẩy không mét vuông), theo hồ sơ số 004832.CM.001”.	Ngày 21/6/2021 CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH GIÁM ĐỐC Phạm Hải Thiện

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Ông: BÙI CHUNG THỦY
Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732
Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

CX 765244

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **108**, tờ bản đồ số: **98**
b) Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
c) Diện tích: **4016,8m²**, (bằng chữ: Bốn nghìn không trăm mười sáu phẩy tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
e) Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 15/10/2063
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

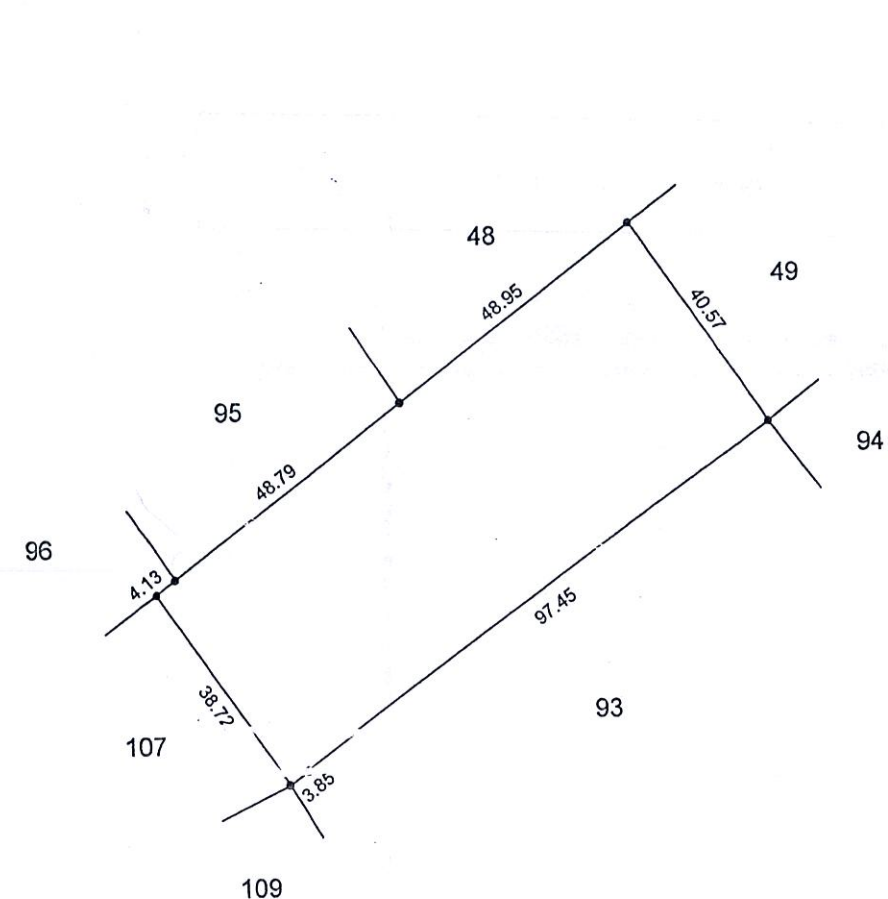
3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Sóc Trăng, ngày 22 tháng 02 năm 2021.
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG



Nguyễn Hoàng Dân

Số vào sổ cấp GCN: CS05612

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
“Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 108, tờ bản đồ số: 98, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 4016.8m² (Bốn nghìn không trăm mười sáu phẩy tám mét vuông), theo hồ sơ số 005612.CM.001”. CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực <u>32.77</u> quyền số <u>01.1</u>.....-SCT/BS Ngày <u>02</u> tháng <u>07</u> năm 20<u>21</u>..... CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI	Ngày 21/6/2021 CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phạm Hải Thiện

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
“Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 1517, tờ bản đồ số: 07, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 12103.3m² (Mười hai ngàn một trăm lẻ ba phẩy ba mét vuông), theo hồ sơ số 000570.CM.003”	Ngày 30/6/2021 Giám Đốc PHẠM VĂN PHONG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phạm Hải Thiện

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	
I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Ông: BÙI CHUNG THUỶ Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732 Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Hải, Xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng. Bà: TRẦN THỊ KIM MAI Năm sinh: 1971, CMND số: 365092678 Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Hải, Xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng.	

BN 858433

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1517, tờ bản đồ số: 7
b) Địa chỉ: Ấp Đông Hải, Xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng
c) Diện tích: 12103,3 m², (bằng chữ: Mười hai nghìn một trăm linh ba phẩy ba mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 12103,3 m²; chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
e) Thời hạn sử dụng: Đến 15/10/2013
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; Nhận chuyển nhượng

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

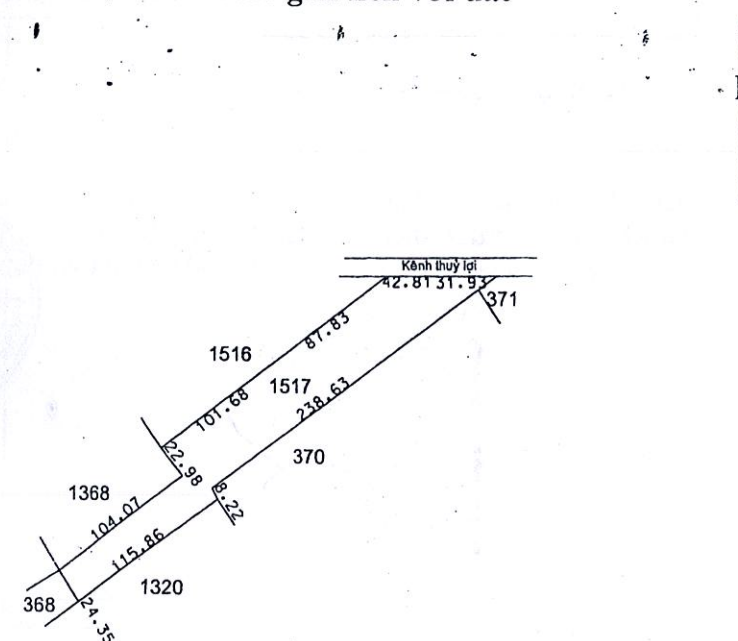
Kế Sách, ngày 26 tháng 11 năm 2011
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Học Khi

Số vào sổ cấp GCN: CH00570

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 3279, quyền số 01/1/.....-SCT/BS

Ngày 02 tháng 7 năm 2011

CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI



Trần Minh Khi

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
"Thửa đất số: 1517, tờ bản đồ: 7, loại đất: LUC. Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 15/10/2063, theo hồ sơ số 00570.GH.001".	Ngày 26/4/2021 CHÍNH HÀNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phạm Hải Khiên

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 1 5 6 1 1 4 0 0 0 6 6 0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: BÙI CHUNG THỦY

Năm sinh: 1968, CMND số: 365092732

Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Hải, Xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng.

BT 447296

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: 98
b) Địa chỉ: Ấp Đông Hải, Xã Đại Hải, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng
c) Diện tích: 6341,9 m², (bằng chữ: Sáu nghìn ba trăm bốn mươi một phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 6341,9 m²; chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063
g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; Nhận chuyển nhượng.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

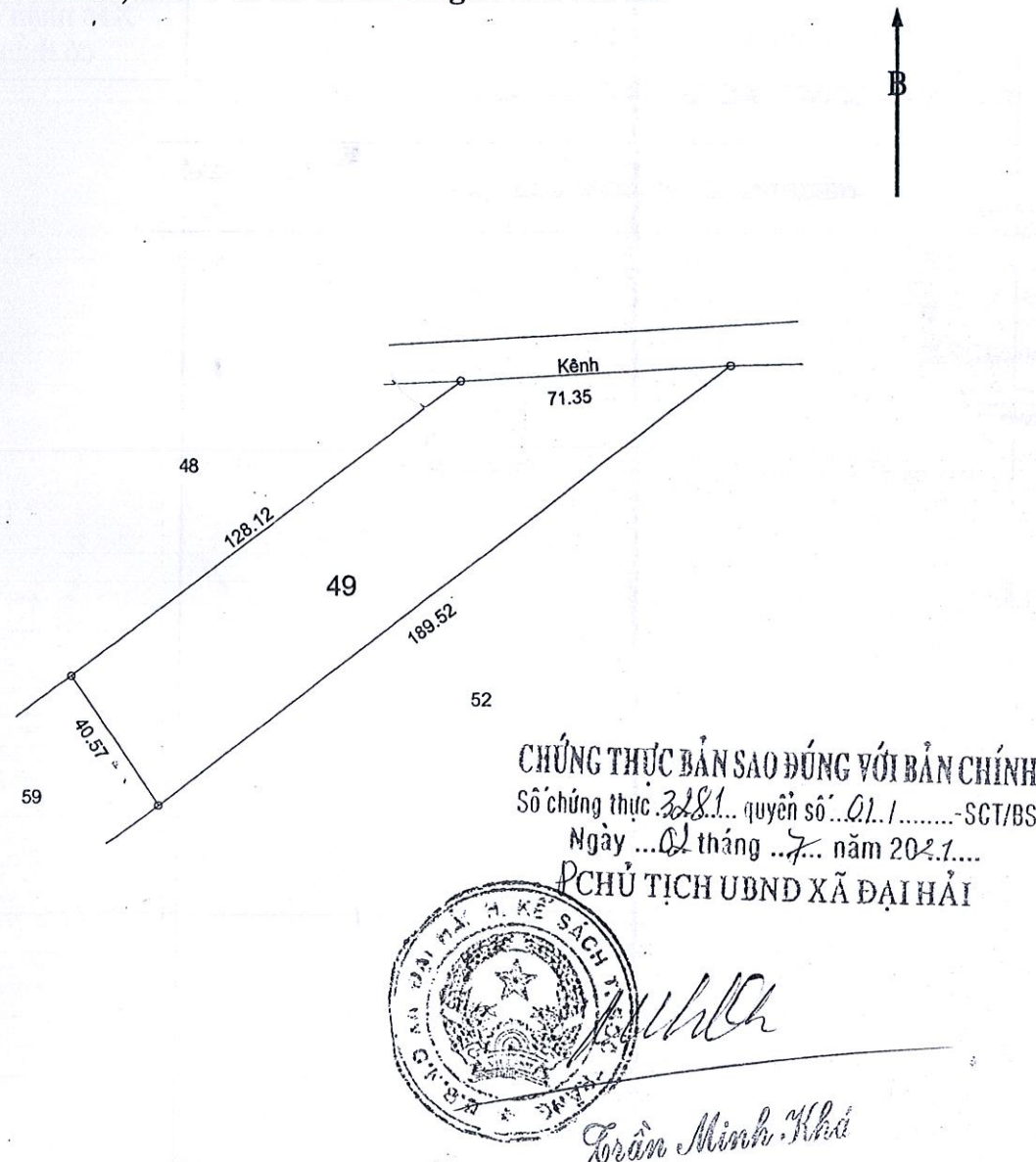
6. Ghi chú: Không.

Kế Sách, ngày 29 tháng 12 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Học Khi

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
“Chuyển mục đích sử dụng thửa đất số: 49, tờ bản đồ số: 98, từ đất LUC thành NKH, diện tích: 6341.9m ² (Sáu nghìn ba trăm bốn mươi một phẩy chín mét vuông), theo hồ sơ số 000660.CM.001”.	Ngày 21/6/2021 CHÍNH HÀNH YÊN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN KẾ SÁCH Phường Hải Thiện

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
18/3/2010	Thế chấp bằng QSD đất tại Công ty TNHH ANT (LA), Địa chỉ: Cụm công nghiệp Long Định, xã Long Cang, huyện Cần Đuộc, tỉnh Long An, theo hồ sơ số 000037.	 <i>Phạm Hải Thiện</i>
12/10/2015	Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 18/3/2010 theo hồ sơ số 850 "Số biên đổi đất 000110 XT 002"	 <i>Phạm Hải Thiện</i>

**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ỦY BAN NHÂN DÂN

HUYỆN KÊ SÁCH - TỈNH SÓC TRĂNG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông Bùi Chung Thủy

Sinh năm 1968

Bà Trần Thị Kim Mai

Sinh năm 1971

Địa chỉ thường trú: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kê Sách, tỉnh Sóc Trăng.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 1479 2. Tờ bản đồ số: 07
3. Địa chỉ thửa đất: Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kê Sách

4. Diện tích: 2.766 m²
Bằng chữ: Hai ngàn bảy trăm sáu mươi sáu mét vuông

5. Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 2.766 m²
+ Sử dụng chung: Không m²

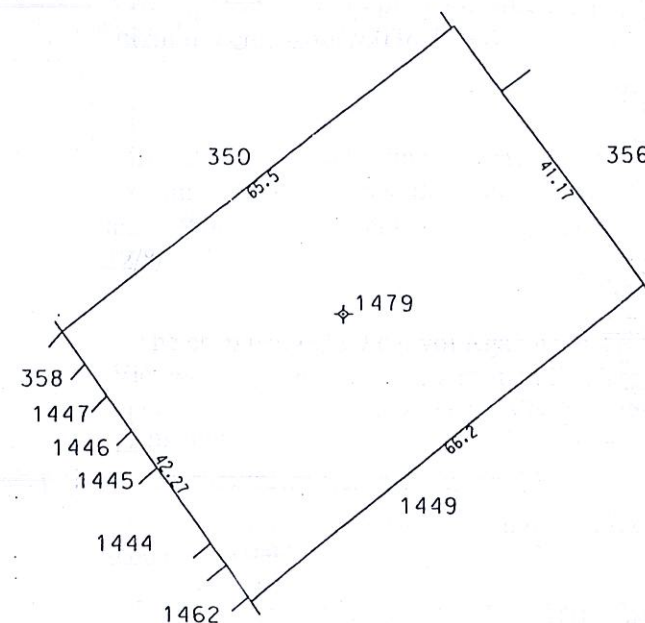
6. Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 15 tháng 10 năm 2043
8. Nguồn gốc sử dụng đất: "Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất" nhận chuyển nhượng.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

Tỷ lệ: 1/1000



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC
Số chứng thực: 387, quyền số: 01/1
Ngày: 02 tháng 7 năm 2024
ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI
Ngày 08 tháng 12 năm 2009
CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI
Lê Hoàng Điện
Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00110

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

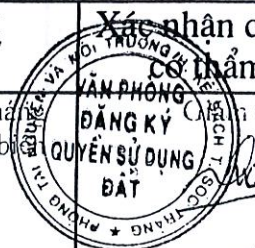
Thửa đất số: 1453

Tờ bản đồ số: 07

Số phát hành GCNQSD đất: AM 102123

Số vào sổ cấp giấy: 00061

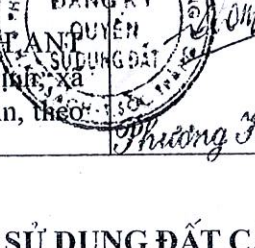
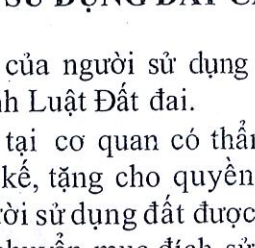
VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
12/10/2015	Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 04 tháng 10 năm 2010, theo hồ sơ số 851 "sổ hồ sơ biến động 000061.XT.007".	 Phạm Hải Thiện
	CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số chứng thực 2286, quyền số 01/.....-SCT/BS Ngày 02 tháng 01 năm 2011 CHỦ TỊCH UBND XÃ ĐẠI HẢI  Trần Minh Khải	

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
10/08/2009	Đã xóa thẻ chấp theo xác nhận của bên nhận thẻ chấp ngày 03/11/2009.	
12/8/2009	Ông Bùi Trung Thủy, sinh năm: 1968, có sai sót. Nay đính chính lại: Ông Bùi Chung Thủy, sinh năm: 1968, theo xác nhận của Công an xã ngày 12/8/2009.	
14/08/2009	Thẻ chấp bằng QSD đất với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Sở giao dịch Sóc Trăng theo hợp đồng số: 102/HĐTC.VB.09 ngày 12/08/2009.	
04/10/2010	Đã xóa đăng ký thẻ chấp ngày 26/7/2010 theo hồ sơ số 000175.	
04/10/2010	Thẻ chấp bằng QSD đất tại CTY TNHH (LA), Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Long Đức, xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, theo hồ sơ số 000176.	

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

TRƯỜNG SÁCH TỈNH SÓC TRĂNG

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Bà Trảo Thị Kim Mai

Sinh năm 1971

Ông Bùi Trung Thủy

Sinh năm 1968

Địa chỉ thường trú: Xã Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 1453 2. Tờ bản đồ số: 07
3. Địa chỉ thửa đất: Xã Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách.

4. Diện tích: 152 m²

Bảng chữ: Một trăm năm mươi hai mét vuông

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 152 m²

+ Sử dụng chung: Không m²

6. Mục đích sử dụng đất: "Đất 6, 100m², đất trồng cây lâu năm: 52m²"

7. Thời hạn sử dụng đất: "Đất ở tại nông thôn: Đất đai đất trồng cây lâu năm, đến ngày 15/10/2013"

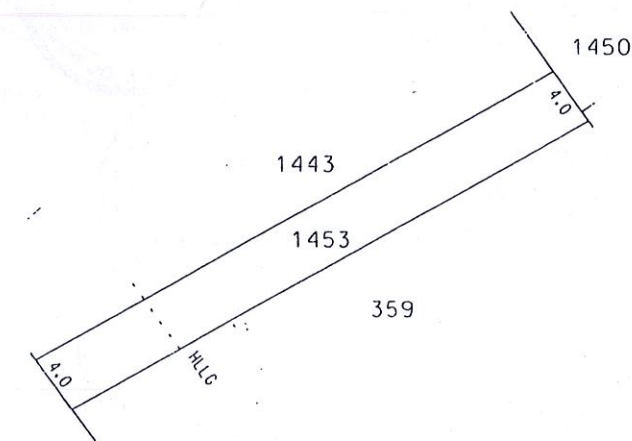
8. Nguồn gốc sử dụng đất: "Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất" nhận chuyển nhượng.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Có 32m² đất thuộc hành lang lộ giới quốc lộ 1.

V- Sơ đồ thửa đất



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2276, quyển số: 01/1.....-SCT/BS

Ngày: 02 tháng 07 năm 2011



Ngày 21 tháng 4 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Khá

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1160161



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

BIOWAY HITECH FERTILIZER JOINT-STOCK COMPANY

www.biowayhitech.com

Điện thoại: (0299) 3616 838 – Fax: (0299) 3637 838

Email: info@biowayhitech.com

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

--★--

Số: 01/2021-MB.PG

HỢP ĐỒNG

V/v: *Mua bán Phân gà*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2205/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005

- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005

- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng và trách nhiệm của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2020, chúng tôi gồm có:

Bên mua hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

(Sau đây được gọi là Bên A)

Địa chỉ: Lô Q1, đường N1, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Sóc Trăng.

Đại diện: Bà **Lê Thị Cẩm Tiên**; Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại: 02993 627 838 Fax: 02993 637838

Mã số thuế: 2200645182

Số tài khoản: 7600 201 008 221 Ngân hàng Agribank, PGD Khánh Hưng, CN Sóc Trăng

Bên bán hàng: Nhà cung cấp Phân gà

(Sau đây được gọi là Bên B)

Địa chỉ: Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện: Ông: **Bùi Chung Thủy** - Chức vụ: Chủ trang trại

CMT số : 365092732, cấp ngày 23/12/2003, Nơi cấp: CAST

Điện thoại: 0985 276 009

Mã số thuế: 2200219674

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua - bán với các Điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng

- Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua số lượng hàng hóa cụ thể là:

+ Tên hàng: **Phân gà tươi**

+ Quy cách: Chứa vào thùng kim loại chuyên dụng

+ Số lượng: 40 tấn/tuần (Bốn mươi tấn trên một tuần)

+ Chất lượng: **Phân gà tươi, ẩm độ từ 65% đến dưới 70%, không lẫn tạp chất.** Nếu ẩm độ tăng 1% (từ 71% trở lên) thì trừ đi khối lượng 2 % tương ứng trên 1 chuyến hàng giao thực tế. Nếu ẩm độ tăng hơn 5% (tức quá 75%) thì bên A không nhận hàng.

+ Giá mua: **350 đ/kg** (ba trăm năm mươi đồng trên một kilogram). Giá trên được giữ cố định trong thời hạn hiệu lực hợp đồng.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng:

- Hợp đồng có thời hạn 01 năm

Điều 3: Thời gian, địa điểm giao nhận, vận chuyển, bốc xếp hàng





CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

BIOWAY HITECH FERTILIZER JOINT-STOCK COMPANY

www.biowayhitech.com

Điện thoại: (0299) 3616 838 – Fax: (0299) 3637 838

Email: info@biowayhitech.com

- Thời gian giao nhận hàng: Sáng từ 07h00 – 11h00; Chiều từ 13h00 – 17h00 hàng ngày.
Bên A thông báo lịch nhận hàng cho bên B vào ngày thứ bảy hàng tuần.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho hàng của Bên A địa chỉ: Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Chi phí vận chuyển, bốc xếp: Bên B tự túc.

- Xếp dỡ hàng hóa: Bên A cử đại diện cân, xác nhận số lượng hàng hóa, Bên B xếp dỡ hàng xuống xe tại kho hàng của Bên A.

Điều 4: Phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thời gian thanh toán: Trong thời hạn 90 ngày (từ tháng thứ 03, tiến hành thanh toán tiền hàng cho tháng thứ nhất)

Điều 5: Các điều kiện đảm bảo thực hiện hợp đồng

- Trách nhiệm bên A:

+ Nhận hàng đúng địa điểm, thời gian đã thỏa thuận mỗi ngày một chuyến.

+ Thông báo cho bên B biết trước 03 ngày khi có sự thay đổi về khối lượng hàng nhận hoặc tạm ngưng do bảo trì thiết bị.

+ Đảm bảo thanh toán đúng, đủ tiền hàng cho Bên B theo Điều 3 của hợp đồng.

- Trách nhiệm bên B:

+ Giao hàng đúng thời gian và địa điểm theo thỏa thuận tại Điều 1, 2, 3 của hợp đồng.

+ Cung cấp đúng số lượng, chất lượng, chủng loại hàng đã nêu tại Điều 1.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy ra, vào cổng khi đến giao hàng của Bên A.

+ Phương tiện vận chuyển hàng hóa phải được che phủ kín, không gây mùi hôi, không làm mất vệ sinh khu vực bên trong và bên ngoài nhà máy của Bên A. Tự chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành trong suốt quá trình cung cấp, vận chuyển hàng hóa cho bên A.

+ Nếu giao hàng trễ hoặc không đúng các Điều khoản đã thỏa thuận, Bên B sẽ bị trừ 20.000kg (20 tấn) tương ứng với 01 lần giao hàng trễ hoặc 01 ngày không giao hàng.

Điều 6: Điều khoản chung

- Các bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu một trong các bên vi phạm các thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng này, thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng là 24 giờ kể từ khi xảy ra hành vi vi phạm.

- Nếu có vướng mắc các bên thỏa thuận lại trên tinh thần hợp tác cùng có lợi. Trong trường hợp có trở ngại mà hai bên không thể tự giải quyết thì sẽ đệ trình lên Tòa án tỉnh Sóc Trăng giải quyết, phán quyết của tòa là chung thẩm và hai bên có trách nhiệm thi hành.

- Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau và tự thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ liên quan.

ĐẠI DIỆN BÊN B

Thư
Bên chúng thư

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Thị Cẩm Tiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 27 /QĐ-XPVPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Chung Thủy

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC lập ngày 06/5/2020;

Căn cứ kết quả xác minh và các tài liệu có trong hồ sơ;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-GQXP ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Tôi, Lê Văn Hiếu; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân có tên sau đây:

1. Bùi Chung Thủy;

Giới tính: Nam;

Năm sinh: 1968;

Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Chăn nuôi.

Nơi ở hiện tại: Ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Số Chứng minh nhân dân: 365092732; ngày cấp: 26/02/2018; nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng.

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định.

- Thái mùi hôi thối vào môi trường.

- Thăm dò, khai thác nước dưới đất thuộc trường hợp phải đăng ký mà



Khoản 7 Điều 11, Điểm a Khoản 8 Điều 15 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ.

- Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước mà gây ô nhiễm, suy giảm chất lượng và số lượng nguồn nước, quy định tại Điểm b Khoản 16 Điều 7 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ.

- Buộc chi trả chi phí trưng cầu đo đạc để xác định diện tích đất vi phạm với số tiền 11.094.000 đồng (*Mười một triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*), quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Ông Bùi Chung Thủy có trách nhiệm chi trả mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Bùi Chung Thủy là cá nhân vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Bùi Chung Thủy phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Bùi Chung Thủy không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn 10 (*mười*) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt, số tiền quy định tại Điều 1 phải nộp tại một trong các ngân hàng sau đây:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Sóc Trăng (*số 139, Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Sóc Trăng (*số 03, Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*).

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Sóc Trăng (*số 20B, Trần Hưng Đạo, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Sóc Trăng (*số 05, Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB bank) - Chi nhánh Sóc Trăng (*số 26, Lê Duẩn, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng*).

Nếu nộp tiền phạt quá thời hạn trên thì cứ 01 (*một*) ngày chậm nộp phạt phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

Ông Bùi Chung Thủy có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho các ngân hàng có tên tại Khoản 1 Điều này để thu tiền phạt.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:..... Lưu tại:.....

Số Seri: STR612220

Số Biên lai: 0553007

Thu phạt ☒

Nội dung phạt: Vệ sinh môi trường

Thu phí, lệ phí ☐

Tên loại phí, lệ phí:.....

Thu thuế ☐

ĐÃ THU

Người nộp thuế: **Bùi Chung Thủy**

Mã số thuế/CMND/HC:

Địa chỉ: **Ấp Đông Hải Xã Đại Hải Huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng**

Huyện: **Thành phố Sóc Trăng**

Tỉnh: **Tỉnh Sóc Trăng**

Theo quyết định số: **29/QĐNP NL**

ngày: **27/07/2020**

của: **Ủy ban nhân dân tỉnh**

Đơn vị nhận tiền: **VP KBNN Sóc Trăng**

STT	Nội dung các khoản nộp Ngân sách/Mã định danh hồ sơ(ID)	Số tiền
1	Phạt VPHC trong các lĩnh vực khác; Trace:201332	76 120 000
2	Phạt chậm nộp	0
Tổng cộng		76 120 000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng./.**

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 07 năm 2020

Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)


Ngô Cẩm Hương



Mẫu số: 03C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:..... Lưu tại:.....

Số Seri: **STR612220**Số Biên lai: **0854813**Thu phạt ☒

Nội dung phạt: Phạt VPHC trong các lĩnh vực khác

Thu phí, lệ phí ☐

Tên loại phí, lệ phí:.....

Thu thuế ☐Người nộp thuế: **BÙI CHUNG THỦY**

Mã số thuế/CMND/HC:

Địa chỉ: **DAI HAI-KE SACH-SOC TRANG**Huyện: **Thành phố Sóc Trăng**Tỉnh: **Tỉnh Sóc Trăng**Theo quyết định số: **27/QĐ-XPVPHC**ngày: **29/05/2020**của: **Ủy ban nhân dân tỉnh**Đơn vị nhận tiền: **VP KBNN Soc Trang**

STT	Nội dung các khoản nộp Ngân sách/Mã định danh hồ sơ(ID)	Số tiền
1	VI PHAM TRONG LINH VUC MOI TRUONG THEO QĐ SO 27/QĐ-XPVPHC NGÀY 29/05/2020 CỦA CHU TỊCH UBND TINH ST (NOP LAN 3); Trace:245333	57 090 000
2	Phạt chậm nộp	0
Tổng cộng		57 090 000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng./.**

Ngày 25 tháng 11 năm 2020

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thúy Linh



Mẫu số:03C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:..... Lưu tại:.....

Số Seri: **STR612220**Số Biên lai: **0758840**Thu phạt ☒

Nội dung phạt: Phạt VPHC trong các lĩnh vực khác

Thu phí, lệ phí ☐

Tên loại phí, lệ phí:.....

Thu thuế ☐Người nộp thuế: **BÙI CHUNG THỦY**

Mã số thuế/CMND/HC:

ĐÃ THUĐịa chỉ: **DAI HAI-KE SACH-SOC TRANG**Huyện: **Thành phố Sóc Trăng**Tỉnh: **Tỉnh Sóc Trăng**Theo quyết định số: **29/QĐ-NPNL**ngày: **19/06/2020**của: **Ủy ban nhân dân tỉnh**Đơn vị nhận tiền: **VP KBNN Sóc Trăng**

STT	Nội dung các khoản nộp Ngân sách/Mã định danh hồ sơ(ID)	Số tiền
1	VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THEO QĐ SỐ 27/QĐ-XPVPHC NGÀY 29/05/2020 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ST (NOP LAN 2); Trace:142255	57 090 000
2	Phạt chậm nộp	0
Tổng cộng		57 090 000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: **Năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng./.**Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

Người thu tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)
Trần Thị Thủy Linh